

HƯỚNG DẪN LẬP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hợp tác với:



ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC



IFC

**International
Finance Corporation**
World Bank Group

cuu duong than cong . com

MỤC LỤC

1	MỤC ĐÍCH CỦA HƯỚNG DẪN NÀY	10
2	TẠI SAO PHẢI BÁO CÁO?	11
3	TIÊU CHUẨN TOÀN CẦU VÀ NGUỒN THAM CHIẾU	13
4	NHỮNG BƯỚC CHÍNH CỦA QUY TRÌNH BÁO CÁO	21
5	KHÍA CẠNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG BÁO CÁO BỀN VỮNG	30
6	PHỤ LỤC 1: ĐỊNH VỊ CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ NHU CẦU CỦA CÁC BÊN	38
7	PHỤ LỤC 2: TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH ĐẢM BẢO TÍNH BỀN VỮNG ĐIỂN HÌNH	40
8	PHỤ LỤC 3: HƯỚNG DẪN GRI G3 - TÓM TẮT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	42

KHUYẾN CÁO

IFC, thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới, là tổ chức phát triển toàn cầu lớn nhất tập trung hỗ trợ khu vực tư nhân. Chúng tôi giúp các nước đang phát triển tăng trưởng bền vững thông qua đầu tư tài chính, huy động vốn từ các thị trường tài chính quốc tế, và cung cấp các dịch vụ tư vấn cho các doanh nghiệp và chính phủ.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (UBCKNN) là một cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, được thành lập với mục đích hỗ trợ phát triển thị trường vốn, trực tiếp quản lý, giám sát hoạt động chứng khoán, cấp phép cho các đối tượng tham gia thị trường và đảm bảo việc thực thi pháp luật.

Cuốn “Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển bền vững” được phối hợp xuất bản bởi IFC và UBCKNN trên cơ sở dự án hợp tác nhằm thúc đẩy công bố thông tin về môi trường và xã hội của các doanh nghiệp Việt Nam.

Với việc phát hành cuốn Hướng dẫn này, các tác giả cũng như các tổ chức, quốc gia mà họ đại diện và nhà xuất bản không có ý định đưa ra những ý kiến tư vấn về tài chính hay luật pháp. Các nội dung trình bày trong cuốn Cẩm nang chỉ nhằm mục đích cung cấp những chỉ dẫn chung và chúng tôi không chịu trách nhiệm với bất cứ thiệt hại hoặc chi phí có thể xảy ra do việc dựa vào các thông tin trong cuốn Hướng dẫn này.

Cuốn Hướng dẫn này không thể và không có khả năng đề cập được tất cả các vấn đề có liên quan. Các kết luận và nhận định đưa ra trong cuốn Hướng dẫn này không thể hiện quan điểm của UBCKNN, của IFC và Hội đồng Quản trị của IFC, của Ngân hàng Thế giới và các giám đốc điều hành của Ngân hàng Thế giới, cũng như của các quốc gia mà các tổ chức này đại diện. UBCKNN, IFC và Ngân hàng Thế giới không đảm bảo tính chính xác của các dữ liệu được sử dụng trong cuốn Hướng dẫn này và không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra.

Cuốn Hướng dẫn này không được cho thuê, bán lại hoặc được phát hành cho mục đích thương mại mà không được sự chấp thuận trước của IFC.

LỜI NÓI ĐẦU CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Khi nhắc đến tính bền vững của các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, hầu như chúng ta thường đề cập đến việc thông qua và thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, các chính sách xã hội toàn diện và cơ cấu quản trị nhằm giảm thiểu rủi ro và biến động, đồng thời giúp củng cố những tác động có lợi trong dài hạn tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Những năm gần đây, nhiều tập đoàn tiên phong có trách nhiệm với các nhà đầu tư, Chính phủ và xã hội đã bắt đầu chú trọng vào các vấn đề đảm bảo tính bền vững trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, chuỗi cung ứng và các quyết định đầu tư của mình.

Tại các buổi thảo luận của Liên hiệp quốc, các quốc gia trong nhóm Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và G20 đã thể hiện sự đồng thuận mang tính quốc tế cao rằng: để tăng cường tính ổn định tài chính và phát triển kinh tế dài hạn đòi hỏi cần nhanh chóng cải thiện các hoạt động về Quản trị Trách nhiệm với Môi trường và Xã hội (E&S - Environmental and Social Governance) tại các doanh nghiệp. Một trong những hoạt động mà Liên hiệp quốc hướng tới là khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện Báo cáo phát triển bền vững.

Báo cáo Phát triển bền vững là thông lệ đo đếm, công bố và chịu trách nhiệm trước các bên về các hoạt động của mình nhằm hướng tới phát triển bền vững. Các doanh nghiệp khi xây dựng và ban hành báo cáo này cần đánh giá và công bố những thông tin về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mình ở các khía cạnh môi trường và xã hội bên cạnh những thông tin về hiệu quả hoạt động tài chính và quản trị - mà đã trở thành thông lệ công bố thông tin trên toàn cầu. Báo cáo phát triển bền vững không chỉ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp củng cố tăng cường mối hợp tác với các bên liên quan, với nhà đầu tư, và cộng đồng dân cư mà còn giúp các doanh nghiệp quản lý rủi ro kinh doanh một cách hiệu quả hơn. Và công tác này cũng giúp các doanh nghiệp thích nghi trong môi trường đang thay đổi và cạnh tranh hiệu quả hơn trong tương lai. Hiện nay, trên thế giới, xu hướng ngày càng nhiều doanh nghiệp cung cấp báo cáo phát triển bền vững và lồng ghép các thông tin về môi trường, xã hội và quản trị vào báo cáo thường niên của doanh nghiệp mình. Điều này cho thấy đã có minh chứng xác thực về mối tương quan giữa phát triển bền vững và hiệu quả hoạt động và mức lợi nhuận thu được của doanh nghiệp.

Đối với Việt Nam, Báo cáo về E&S và các hoạt động đảm bảo tính bền vững là một lĩnh vực còn rất mới mẻ. Trên thực tế, các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam chưa có đầy đủ các thông tin rõ ràng về E&S hoặc các hoạt động đảm bảo tính bền vững cho các nhà đầu tư. Các thông tin như đầu tư cho cộng đồng, mức độ phát khí thải, sử dụng nguồn nước, phúc lợi cho nhân viên, tính đa dạng của nguồn nhân lực và tính độc lập của các ủy ban có thể không sẵn có cho các nhà đầu tư. **Việc thiếu các thông tin này có thể dẫn tới mất cơ hội thu hút nguồn vốn từ những nhà đầu tư có chuẩn mực cao về trách nhiệm xã hội và môi trường.**

Nhận thức được tính cấp thiết đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) cùng với các chuyên gia tư vấn của công ty PwC toàn cầu đã hợp tác và xuất bản cuốn ***“Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững”*** đối với doanh nghiệp Việt Nam. Cuốn sổ tay hướng dẫn lập báo cáo đưa ra qui trình và các tiêu chí cơ bản nhằm giúp các doanh nghiệp của Việt Nam có thể tự xây dựng Báo cáo phát triển bền vững cho doanh nghiệp mình.

UBCKNN hy vọng sẽ có nhiều doanh nghiệp niêm yết sử dụng cuốn Sổ tay hướng dẫn này để hiểu rõ cách thức đo lường, quản lý và công bố các tác động về môi trường và xã hội của doanh nghiệp mình. UBCKNN cho rằng đây là bước đi đầu tiên theo định hướng phát triển kinh doanh theo hướng bền vững, góp phần xây dựng thị trường chứng khoán ngày một bền vững hơn thông qua việc nâng cao hiệu quả quản lý và quản trị rủi ro./.

Ủy Ban chứng khoán Nhà nước

LỜI NÓI ĐẦU CỦA IFC

Trong một thập kỷ qua thị trường ngày càng đòi hỏi các doanh nghiệp phải minh bạch về các hoạt động môi trường, xã hội và quản trị, kể cả những đóng góp của doanh nghiệp đối với nền kinh tế.

Các doanh nghiệp trên toàn cầu đã và đang đáp ứng đòi hỏi này bằng việc thực hiện báo cáo “phát triển bền vững”. Là một thành viên của cộng đồng các nhà đầu tư quốc tế và là tổ chức đi đầu trong việc xây dựng và triển khai các tiêu chuẩn phát triển bền vững tại các nền kinh tế đang phát triển, IFC nhìn nhận báo cáo phát triển bền vững là cơ hội để các doanh nghiệp và các nhà đầu tư tương tác với nhau chủ động hơn. IFC cũng nhận thấy có một mối tương quan rõ rệt giữa hiệu quả hoạt động môi trường, xã hội và quản trị và khả năng sinh lời cũng như khả năng tồn tại trong những thời điểm kinh tế khó khăn của doanh nghiệp đó. Chúng tôi quán triệt các vấn đề phát triển bền vững trong chiến lược đầu tư ở các nền kinh tế đang phát triển và nhận thấy được giá trị và tầm quan trọng của công bố thông tin phát triển bền vững. Tuy nhiên doanh nghiệp ở các nước đang phát triển vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về báo cáo hoạt động môi trường, xã hội và quản trị. Nhiều nhà đầu tư, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức - những tổ chức nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề phát triển bền vững - như là động lực của hiệu quả hoạt động về tài chính cũng như là chỉ số quan trọng đánh giá tác động đối với môi trường và xã hội của doanh nghiệp, cần có những thông tin này để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn.

Là thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới và là tổ chức phát triển toàn cầu lớn nhất tập trung hỗ trợ khu vực doanh nghiệp tư nhân, nhiều năm nay, IFC đã và đang nỗ lực để giải quyết thách thức về thông tin này. Một trong những nỗ lực đó là chương trình hợp tác của IFC với Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI).

IFC nhìn nhận báo cáo phát triển bền vững là xu hướng tất yếu để tăng cường tính minh bạch và hướng tới cải thiện tính bền vững của các hoạt động đầu tư của mình. Đây cũng là công cụ quản lý có thể giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, đổi mới sản phẩm, dịch vụ, củng cố quan hệ với các bên liên quan, gia tăng giá trị tên tuổi và thu hút đầu tư.

Chúng tôi rất vui mừng khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ủng hộ sáng kiến này. Chúng tôi mong muốn sẽ có nhiều doanh nghiệp Việt Nam thực hiện báo cáo phát triển bền vững trong quá trình xây dựng báo cáo thường niên của doanh nghiệp mình. Các doanh nghiệp đạt được mức độ hiệu quả trong mọi phương diện quản lý thường sẽ có tiềm năng tăng trưởng và lớn mạnh trong dài hạn.

Chúng tôi hy vọng Cuốn Hướng dẫn này sẽ bổ ích với doanh nghiệp.

Cuối cùng, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự đóng góp quý báu của đội ngũ tư vấn Công ty PWC trong quá trình xây dựng, tham vấn và ban hành cuốn Hướng dẫn này.

Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC

1/ MỤC ĐÍCH CỦA HƯỚNG DẪN NÀY

Hướng dẫn này cung cấp cho các doanh nghiệp Việt Nam thông tin về một số bước đơn giản ban đầu khi lập báo cáo bền vững. Cụ thể là hướng dẫn này tập trung vào các khía cạnh môi trường và xã hội (E&S) của hoạt động kinh doanh. Sau khi cân nhắc nhu cầu của các doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như của một số doanh nghiệp đại chúng khác ở Việt Nam, hướng dẫn này có mục đích giải đáp các câu hỏi sau:

- Tại sao doanh nghiệp Việt Nam nên cân nhắc lập báo cáo bền vững?
- Tiêu chuẩn toàn cầu và nguồn tham chiếu chính là gì?
- Những bước cơ bản cần tiến hành trong quy trình báo cáo này?
- Những yếu tố thành công chính trong quá trình triển khai hệ thống báo cáo bền vững?
- Doanh nghiệp cần làm gì để đảm bảo mức độ tin cậy của báo cáo và đảm bảo các bên liên quan tiếp nhận báo cáo một cách tích cực?
- Báo cáo bền vững nên đề cập những khía cạnh nào của hoạt động sản xuất kinh doanh?

Hướng dẫn này được soạn thảo giúp doanh nghiệp Việt Nam có thể nhanh chóng áp dụng để lập báo cáo bền vững có chất lượng tốt, đảm bảo yêu cầu của nhà đầu tư và sàn giao dịch chứng khoán. Doanh nghiệp thể hiện được hiệu quả hoạt động bền vững cũng như công bố thông tin tốt sẽ giúp cải thiện hoạt động E&S chung của Việt Nam.

Tài liệu này cũng sẽ nêu bật những yêu cầu cơ bản về công bố thông tin đối với doanh nghiệp khi bắt đầu hành trình báo cáo. Một khi đã có được kinh nghiệm báo cáo ban đầu, các doanh nghiệp niêm yết được khuyến khích nâng chuẩn mực báo cáo lên mức cao hơn hướng dẫn này, với mục tiêu là theo kịp các tập quán quốc tế tốt nhất.

Cơ chế **“báo cáo hoặc giải thích”** cũng nên được xây dựng để khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam bắt đầu thực hiện báo cáo. Cơ chế này yêu cầu doanh nghiệp phải báo cáo hoạt động E&S hoặc giải thích tại sao doanh nghiệp quyết định không báo cáo.

Các doanh nghiệp đã niêm yết hoặc sắp niêm yết được khuyến khích tích hợp báo cáo bền vững như một phần của báo cáo tổng thể, có thể là trong khuôn khổ báo cáo thường niên hoặc một báo cáo độc lập. Ngoài ra, hướng dẫn này khuyến khích sử dụng Khung Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) và có sự tham gia kiểm toán độc lập. Cần nhấn mạnh là các hướng dẫn của GRI đã được quốc tế công nhận là tập quán tốt nhất về báo cáo phát triển bền vững.

2/ TẠI SAO PHẢI BÁO CÁO?

Trên phạm vi toàn cầu đang chứng kiến sự thay đổi về quan niệm trách nhiệm của doanh nghiệp. Nhà đầu tư, cơ quan quản lý và các bên liên quan khác trông đợi ngày càng cao đối với doanh nghiệp trong việc giải quyết tác động, rủi ro và cơ hội kinh doanh liên quan tới môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp, cũng như các khía cạnh kinh tế của hoạt động kinh doanh. Các khía cạnh này lại định hướng sản phẩm, dịch vụ và quy trình vận hành của doanh nghiệp. Quá trình này bao gồm những vấn đề vượt ra ngoài tầm ảnh hưởng trực tiếp của doanh nghiệp, nhưng vẫn tác động tới thành công trung hạn và dài hạn và giấy phép hoạt động của doanh nghiệp. Thuật ngữ bao trùm đối với những yếu tố này chính là “tính bền vững”.

Thuật ngữ bền vững liên quan tới khái niệm “phát triển bền vững” theo định nghĩa của Ủy ban Brundtland của Liên hợp quốc ngày 20 tháng 3 năm 1987: “Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của hiện tại nhưng không ảnh hưởng tới khả năng của thế hệ tương lai đáp ứng nhu cầu của bản thân thế hệ tương lai.”

Các nghiên cứu cho thấy doanh nghiệp nào quản lý tốt khía cạnh bền vững thì thường thành công về tài chính. Vì lý do này và nhiều lý do khác, ngày càng có nhiều doanh nghiệp quyết định công bố báo cáo bền vững một cách độc lập hoặc công bố trong báo cáo tài chính thường niên và trên trang web của doanh nghiệp mình.

Báo cáo bền vững giúp doanh nghiệp và tổ chức công bố thông tin về tính bền vững theo cách thức tương tự như báo cáo tài chính. Báo cáo bền vững được công bố bởi các doanh nghiệp và tổ chức thuộc mọi loại hình, quy mô và lĩnh vực, ở mọi nơi trên toàn cầu.

Thông qua việc báo cáo một cách minh bạch, có tính giải trình và trách nhiệm,

các doanh nghiệp và tổ chức có thể củng cố lòng tin của các bên liên quan vào doanh nghiệp và vào kinh tế toàn cầu. Quá trình báo cáo cũng thúc đẩy cải tiến nhiều mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

- 1) Ở mức độ cơ sở, báo cáo bền vững là **công cụ quản lý có thể cải thiện khả năng hiểu biết của doanh nghiệp về rủi ro và cơ hội kinh doanh mới**. Nếu tiếp cận từ góc độ này, hệ thống quản lý báo cáo bền vững có thể giúp cho doanh nghiệp chuẩn bị cho xu hướng phát triển mới và phân cấp trách nhiệm và xây dựng hệ thống nội bộ doanh nghiệp để dần dần nâng cao hiệu quả hoạt động.
- 2) Một đặc điểm khác biệt quan trọng của quá trình báo cáo bền vững là việc **cân nhắc lợi ích các bên liên quan**. Các bên liên quan là cá nhân hoặc nhóm người có thể bị ảnh hưởng bởi hoạt động của doanh nghiệp, quan tâm tới hoạt động của doanh nghiệp và/hoặc có thể có ảnh hưởng theo cách thức nào đó. Các bên liên quan có thể là nhân viên, khách hàng, bạn hàng, nhà cung cấp, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng, nhà đầu tư, chính phủ và giới truyền thông. Báo cáo bền vững hiệu quả sẽ tăng thêm đáng kể giá trị về uy tín và năng lực kinh doanh của doanh nghiệp thông qua việc **xây dựng lòng tin với các bên liên quan khác nhau**. Báo cáo cũng có thể khơi mào quá trình đối thoại với các bên liên quan qua mỗi chu kỳ báo cáo.
- 3) Báo cáo bền vững là **biện pháp xác định cách thức mới để xây dựng và định lượng giá trị kinh doanh**. Nhà đầu tư trên toàn cầu ngày càng quan tâm tới việc chiến lược quản lý hoạt động bền vững có thể tăng cường tính cạnh tranh và sáng tạo của doanh nghiệp như thế nào. Các chính phủ cũng đang nỗ lực để tạo cơ hội và khuyến khích đối với doanh nghiệp có định hướng phát triển bền vững.
- 4) Các bên liên quan ngày càng muốn biết các dự án mới, các cải tiến hệ thống, sản phẩm và dịch vụ dựa trên các xem xét về môi trường và xã hội có thể đem lại lợi ích thể nào cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của doanh nghiệp. Báo cáo bền vững, bao gồm cả các mục tiêu và đo lường cụ thể, sẽ là biện pháp minh bạch và có thể so sánh để chứng minh doanh nghiệp quản lý rủi ro cụ thể **hiệu quả thế nào mà vẫn thu được hiệu quả đầu tư tích cực từ các hoạt động bền vững**.

3/ TIÊU CHUẨN TOÀN CẦU VÀ NGUỒN THAM CHIẾU

Khổ 47 của kỷ yếu Hội nghị Liên hợp quốc về Phát triển Bền vững năm 2012 (Rio+20) với nhan đề “Tương lai chúng ta mong muốn” đã xác nhận tầm quan trọng của phát triển bền vững và báo cáo tích hợp của các doanh nghiệp nghiêm ngặt. Hội nghị cũng khuyến khích doanh nghiệp, chính phủ và các bên liên quan triển khai các hoạt động sau:

“Xây dựng mô hình các thông lệ tốt nhất và thúc đẩy hoạt động để tích hợp báo cáo bền vững, có tính đến kinh nghiệm của các khuôn khổ báo cáo đang được áp dụng và đặc biệt lưu ý tới nhu cầu các nước đang phát triển.”

Hiện nay đã có một số khuôn khổ báo cáo chất lượng tốt được triển khai để hướng dẫn doanh nghiệp báo cáo bền vững. Tiêu chuẩn toàn cầu tiên phong là khuôn khổ Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu G3. Một loạt các tiêu chuẩn đặc thù cho từng ngành cũng đã được xây dựng, và ngày càng có nhiều nước đang ban hành hướng dẫn cấp quốc gia trong lĩnh vực này.

Khi lựa chọn tiêu chuẩn áp dụng, doanh nghiệp có thể định hướng bằng các câu hỏi sau:

- Mục đích chính của báo cáo là gì (ví dụ xây dựng uy tín, tuân thủ quy định và thu hút nhà đầu tư)? Loại hình báo cáo nào đáp ứng được mục đích trên?
- Bên liên quan quan trọng nhất là bên nào và loại hình báo cáo nào là hiệu quả nhất để tiếp cận bên liên quan đó?
- Những vấn đề chính nào cần được tập trung nhất? Có những công cụ báo cáo nào cho các vấn đề này?
- Doanh nghiệp có tham gia cam kết tuân thủ nguyên tắc tự nguyện nào đòi hỏi phải báo cáo định kỳ về quá trình thực hiện hay không? (Ví dụ Hiệp ước Toàn cầu của Liên hợp quốc)

- Bối cảnh chính về ngành và quốc gia mà doanh nghiệp hoạt động là gì? Đã có khuôn khổ báo cáo nào tập trung về ngành hoặc cấp quốc gia chưa?
- Có nhà đầu tư nào của doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn bền vững chuyên ngành đòi hỏi phải công bố thông tin không? (Ví dụ Tiêu chuẩn Hoạt động IFC, Nguyên tắc Đầu tư có Trách nhiệm của Liên hợp quốc).

Phần tiếp theo sẽ giới thiệu một số tiêu chuẩn và khuôn khổ báo cáo phổ biến nhất hiện nay.

3.1 Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu

Khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến nhất toàn cầu được xây dựng bởi **Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI)**. Hướng dẫn GRI đưa ra bộ nguyên tắc (báo cáo “Thế nào”) và chỉ số hoạt động (báo cáo “Cái gì”) được xây dựng trong vòng hơn 12 năm đối thoại toàn cầu của nhiều bên liên quan. Nguyên tắc của GRI là:

- **Tính thực chất** – báo cáo phải phản ánh được tác động đáng kể về kinh tế, môi trường và xã hội của tổ chức và bao gồm thông tin đủ để ảnh hưởng một cách đáng kể tới quá trình đánh giá và quyết định của các bên liên quan.
- **Tính hội nhập đối với các bên liên quan** – báo cáo phải xác định các bên liên quan và lưu hồ sơ về việc doanh nghiệp đáp ứng sự trông đợi và nhu cầu hợp lý của các bên liên quan.
- **Bối cảnh phát triển bền vững** – báo cáo cần mô tả hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển bền vững rộng hơn.
- **Tính đầy đủ** – báo cáo phải cung cấp thông tin đủ về các vấn đề và chỉ số cần thiết trong một khuôn khổ phạm vi mà báo cáo xác định sẽ hướng tới.

Khung GRI có thể coi là điểm khởi đầu hữu ích vì được sử dụng và công nhận một cách rộng rãi. Khuôn khổ này cũng đề cập tới nhiều khía cạnh hoạt động kinh tế và E&S, với hướng dẫn kỹ thuật (quy ước) về cách thức đo lường và báo cáo các vấn đề này.

Hướng dẫn Báo cáo Bền vững “thể hệ 3” của GRI là Hướng dẫn G3 được công bố năm 2006 ở Amsterdam sau ba năm làm việc của nhiều bên liên quan trên phạm vi toàn cầu. Hơn 3000 cá nhân ở các lĩnh vực khác nhau trên toàn cầu tham gia ý kiến xây dựng Hướng dẫn này. Các doanh nghiệp có thể yên tâm rằng Hướng dẫn này phản ánh sự đồng thuận toàn diện nhất trên phạm vi toàn cầu về nội dung cần có của một báo cáo bền vững.

Ngày 23 tháng 3 năm 2011 GRI cập nhật Hướng dẫn G3 lên phiên bản G3.1. Bản cập nhật này tích hợp sự phản hồi của các bên liên quan về các vấn đề liên quan đến nhân quyền, đầu tư và phát triển cộng đồng, và vấn đề giới. Sự cập nhật này sẽ định hướng cho Hướng dẫn G4 của GRI hiện đang được xây dựng.

Để có thêm thông tin chi tiết về Khung báo cáo này xin tham khảo www.globalreporting.org

3.2 Dự án Công bố Các-bon

Dự án Công bố Các-bon (CDP) là tổ chức phi lợi nhuận độc lập hoạt động nhằm thúc đẩy doanh nghiệp và đô thị giảm mức phát thải khí nhà kính và sử dụng nước bền vững. Khoảng 4000 tổ chức trên toàn cầu tiến hành đo lường và công bố mức phát thải khí nhà kính, chiến lược quản lý nước và biến đổi khí hậu để đáp ứng yêu cầu thông tin của CDP. Thông tin này được thu thập hàng năm thay mặt cho các nhà đầu tư tổ chức, tổ chức thu mua và cơ quan chính phủ. Thông qua việc báo cáo cho CDP, các doanh nghiệp được liệt kê trong cơ sở dữ liệu và có thể tăng cơ hội được các nhà đầu tư xếp hạng tốt hơn về phát triển bền vững.

CDP cũng đang nỗ lực xây dựng hướng dẫn cho các doanh nghiệp về cách thức tích hợp thông tin có ích liên quan tới biến đổi khí hậu vào trong, hoặc liên quan tới, báo cáo tài chính chủ đạo. Ban lãnh đạo Chuẩn Công bố Khí hậu là dự án đặc biệt của CDP và mới đây đã công bố Khuôn khổ Báo cáo Biến đổi Khí hậu (CCRF) (Phiên bản 1.1, tháng 10 năm 2012). CCRF là khuôn khổ tự nguyện về việc công bố thông tin có giá trị đối với nhà đầu tư để đánh giá mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với chiến lược, hoạt động và triển vọng của doanh nghiệp. CCRF dựa trên các tiêu chuẩn, nghiên cứu, phân tích và tập quán tốt hiện hành, bao gồm ***Nghị định thư Khí Nhà kính: Tiêu chuẩn Kế toán và Báo cáo của Doanh nghiệp (Phiên bản sửa đổi)*** do Viện Tài nguyên Thế giới (WRI) và Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới về Phát triển Bền vững (WBCSD) xây dựng.

Để có thêm thông tin chi tiết về CDP xin tham khảo www.cdproject.net

3.3 Hiệp ước Toàn cầu của Liên hợp quốc

Hiệp ước Toàn cầu của Liên hợp quốc là sáng kiến chính sách chiến lược dành cho doanh nghiệp cam kết điều chỉnh hoạt động và chiến lược của doanh nghiệp phù hợp với 10 nguyên tắc được công nhận toàn cầu trong lĩnh vực nhân quyền, lao động, môi trường và chống tham nhũng.

Khi tham gia Hiệp ước Toàn cầu, các doanh nghiệp cam kết hàng năm có Thông cáo Tiến độ (Communication on Progress - COP), đó là một văn bản công bố với các bên liên quan (nhà đầu tư, người tiêu dùng, xã hội dân sự và chính phủ) về tiến độ áp dụng 10 nguyên tắc của Hiệp ước Toàn cầu của Liên hợp quốc cũng như hỗ trợ các mục tiêu diện rộng của Liên hợp quốc. Dựa trên mẫu chuẩn, COP phải được đăng tải trên trang web của Hiệp ước Toàn cầu và được công bố rộng rãi với các bên liên quan. Thông tin được cung cấp trong COP có liên quan tới báo cáo phát triển bền vững hoặc báo cáo thường niên.

Để có thêm thông tin về Hiệp ước toàn cầu xin tham khảo www.unglobalcompact.org

3.4 Khung Phát triển Bền vững của IFC

IFC, thành viên của Nhóm Ngân hàng Thế giới, là tổ chức đầu tư phát triển toàn cầu lớn nhất tập trung hỗ trợ khu vực tư nhân ở các nước đang phát triển. IFC cũng tiên phong trong việc áp dụng tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị trong hoạt động đầu tư của mình. Từ năm 2006 các tiêu chuẩn trên đã được hơn 70 thể chế tài chính thương mại áp dụng thông qua Nguyên tắc Xích đạo ¹.

Khung Phát triển bền vững của IFC thể hiện sự cam kết chiến lược đối với phát triển bền vững và nhấn mạnh cách tiếp cận của IFC đối với quản lý rủi ro đầu tư. Khung Phát triển Bền vững bao gồm Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội được áp dụng đối với doanh nghiệp được IFC đầu tư, nhằm cung cấp thông tin hướng dẫn về cách thức xác định và quản lý rủi ro và tác động về môi trường và xã hội. Tiêu chuẩn Hoạt động liên quan tới tám khía cạnh:

1. Đánh giá và Quản lý Rủi ro và Tác động Môi trường và Xã hội
2. Lao động và Điều kiện Làm việc
3. Hiệu quả Nguồn tài nguyên và Phòng tránh Ô nhiễm

4. Sức khỏe, An toàn và An ninh Cộng đồng
5. Thu hồi đất và Tái định cư Không tự nguyện
6. Bảo toàn Đa dạng sinh học và Quản lý Bền vững đối với Nguồn tài nguyên Thiên nhiên
7. Người dân bản địa
8. Di sản văn hóa

Các doanh nghiệp tiếp nhận đầu tư phải đáp ứng các yêu cầu theo Tiêu chuẩn Hoạt động của IFC và Hướng dẫn Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng Thế giới, và xây dựng Kế hoạch Hành động phù hợp trước thời điểm đầu tư. Trong vòng đời đầu tư, doanh nghiệp phải cập nhật thông tin cho IFC và các đối tác liên quan về việc tuân thủ Tiêu chuẩn Hoạt động và mọi Kế hoạch Hành động được thỏa thuận khác, bao gồm cả thông tin về các sự kiện đáng kể. Thông tin này có thể có liên quan để được tích hợp trong báo cáo bền vững hoặc báo cáo thường niên. Để có thể thông tin về Khung Phát triển bền vững của IFC xin tham khảo www.ifc.org/sustainability.

3.5 Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế

Hội đồng Báo cáo Tích hợp Quốc tế (IIRC) là nỗ lực quốc tế nhằm xây dựng khuôn khổ toàn cầu đối với Báo cáo Tích hợp. IIRC đã công bố dự thảo Khuôn khổ Nguyên mẫu đối với Báo cáo Tích hợp vào tháng 9 năm 2012, chủ yếu đưa ra các nguyên tắc thay vì tập trung vào quy định cách thức đo lường hoặc công bố chỉ số hiệu quả hoạt động cụ thể (KPI).

Hơn 80 doanh nghiệp hàng đầu đã thử nghiệm nguyên tắc Báo cáo Tích hợp trong chu trình báo cáo doanh nghiệp như một phần của Chương trình Thử

¹ Nguyên tắc Xích đạo (EP) là khung quản trị rủi ro tín dụng tự nguyện để quản trị rủi ro E&S trong giao dịch tài trợ dự án. Nguyên tắc này được các thể chế tài chính áp dụng khi tổng chi phí vốn của dự án vượt 10 triệu USD. Từ năm 2006, EP được dựa trên Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội của IFC và Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm Ngân hàng Thế giới (Hướng dẫn EHS). Hiện nay có 77 tổ chức tài chính (74 thành viên chính thức và 3 tổ chức liên kết) tại 32 nước chính thức áp dụng EP, bao phủ hơn 70% vốn vay tài trợ dự án tại thị trường đang phát triển. Để có thêm thông tin về EP xin tham khảo www.equator-principles.com

nghiệm IIRC năm 2012. Sáu nguyên tắc IIRC là i) tập trung chiến lược và định hướng tương lai, ii) kết nối về thông tin, iii) đáp ứng và hội nhập đối với các bên liên quan, iv) tính thực chất và xúc tích, v) tính tin cậy và vi) tính đối chiếu và nhất quán. Khuôn khổ Dự thảo tập trung vào việc một tổ chức có thể tạo giá trị thông qua quá trình sử dụng và phụ thuộc vào các nguồn lực và quan hệ hoặc “vốn” khác nhau (tài chính, sản xuất, nhân lực, trí tuệ, tự nhiên và xã hội).

Thông tin bền vững là thiết thực đối với báo cáo tích hợp. Doanh nghiệp có thể lựa chọn việc công bố báo cáo bền vững một cách độc lập và/hoặc được lồng ghép về nội dung trong báo cáo thường niên. Thông qua việc tích hợp thông tin tài chính và thông tin bền vững, doanh nghiệp cung cấp bức tranh toàn diện hơn và ý nghĩa hơn về mô hình và hoạt động kinh doanh của mình đối với nhà đầu tư và bên liên quan.

Để có thêm thông tin về IIRC xin tham khảo www.theiirc.org

3.6 Nguyên tắc AccountAblity (Trách nhiệm giải trình) đối với Phát triển Bền vững

AccountAbility AA1000 là bộ tiêu chuẩn dựa trên nguyên tắc được xây dựng để hỗ trợ các tổ chức nâng cao năng lực giải trình, trở nên có trách nhiệm và bền vững hơn. Nguyên tắc Phát triển Bền vững (Hội nhập, Thực chất và Đáp ứng) được dựa trên tiền đề là doanh nghiệp có năng lực giải trình sẽ nỗ lực để:

- Xây dựng chiến lược dựa trên quá trình xác định toàn diện mọi vấn đề thực chất đối với doanh nghiệp và các bên liên quan
- Xác định mục tiêu và tiêu chuẩn dùng để đánh giá chiến lược và hoạt động của doanh nghiệp
- Công bố thông tin đáng tin cậy về chiến lược, các vấn đề và hiệu quả hoạt động đối với các bên liên quan.

Nguyên tắc trên phù hợp với các bộ nguyên tắc khác đang được áp dụng trên thị trường, như Hiệp ước Toàn cầu của Liên hợp quốc, GRI và ISO 26000.

Để có thêm thông tin về Nguyên tắc AccountAblity xin tham khảo www.accountability.org

3.7 ISO 26000:2010

ISO 26000:2010 chủ yếu cung cấp thông tin hướng dẫn, hơn là đưa ra yêu cầu có thể được thẩm tra, về việc doanh nghiệp và tổ chức có thể hoạt động một cách có trách nhiệm xã hội như thế nào. Tiêu chuẩn được ban hành năm 2010 sau năm năm đàm phán giữa nhiều bên liên quan trên khắp thế giới.

Đại diện của các chính phủ, tổ chức phi chính phủ, các ngành nghề, nhóm người tiêu dùng và tổ chức lao động đã tham gia vào quá trình xây dựng tiêu chuẩn này, điều đó có nghĩa là tiêu chuẩn này đạt được sự đồng thuận quốc tế. ISO 26000 giúp làm rõ trách nhiệm xã hội là gì, giúp doanh nghiệp và tổ chức chuyển hóa nguyên tắc thành hoạt động hữu hiệu và chia sẻ tập quán tốt nhất liên quan tới trách nhiệm xã hội. Tiêu chuẩn này hướng tới mọi tổ chức, không phân biệt hoạt động, quy mô hoặc vị trí địa lý.

Để có thêm thông tin về ISO26000 xin tham khảo www.iso.org

3.8 Hệ thống xếp hạng tác động đầu tư toàn cầu (GIIRS)

Hệ thống xếp hạng tác động đầu tư toàn cầu (GIIRS) là hệ thống dùng để đánh giá tác động môi trường xã hội (E&S) của các doanh nghiệp và quỹ đầu tư. Việc xếp hạng tạo điều kiện để các doanh nghiệp có thể kêu gọi vốn từ các nhà đầu tư có cùng định hướng dựa trên tác động của vận hành và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội. Nó nhằm mục đích đảm bảo giá trị kinh doanh được tạo nên bởi tác động tích cực và đạt được các mục tiêu về quản trị tốt, thông lệ về lao động và chuỗi cung ứng có trách nhiệm, điều kiện làm việc hấp dẫn, hiệu quả hoạt động bảo vệ môi trường tốt, và các nỗ lực củng cố cộng đồng địa phương bên cạnh và nhiều yếu tố khác.

GIIRS đưa ra chỉ tiêu xếp hạng tác động môi trường và xã hội của từng doanh nghiệp bao gồm xếp hạng tổng thể, và thang xếp hạng cho 15 tiểu hạng mục và các chỉ số đo hiệu quả hoạt động KPI phù hợp với ngành nghề, vị trí địa lý, quy mô và sứ mạng xã hội của doanh nghiệp.

Để có thêm thông tin về GIIRS xin tham khảo <http://giirs.org>

3.9 Sáng kiến ở các thị trường mới nổi

Ngày càng nhiều chính phủ, thị trường chứng khoán và liên minh các nhà đầu tư đang kêu gọi cải thiện công bố thông tin doanh nghiệp ở các thị trường mới nổi. Từ năm 2006, chính phủ và thị trường chứng khoán sau đã đặt ra yêu cầu hoặc ban hành hướng dẫn tự nguyện về báo cáo bền vững:

2006 – Trung quốc ban hành yêu cầu báo cáo bền vững đối với doanh nghiệp nhà nước

2007 – Bursa Malaysia yêu cầu các doanh nghiệp niêm yết báo cáo về các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR)

2008 – Thị trường chứng khoán Thượng Hải và Thẩm Quyển công bố yêu cầu đối với doanh nghiệp niêm yết phải báo cáo các hoạt động CSR

2010 – Nam Phi yêu cầu mọi doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Johannesburg bắt đầu công bố “báo cáo tích hợp” thường niên về hoạt động tài chính và phát triển bền vững

2011 - Ủy ban Chứng khoán Ấn Độ (SEBI) ban hành yêu cầu đối với 100 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất phải công bố thông tin về trách nhiệm xã hội, môi trường và kinh tế.

2011 – Thị trường chứng khoán Singapore công bố Hướng dẫn Báo cáo Bền vững

2011 – Thị trường chứng khoán Hồng Kông công bố Tài liệu Tham vấn về báo cáo môi trường, xã hội và quản trị (ESG).

2012 – Thị trường chứng khoán Brazil BM&FBOVESPA ban hành khuyến nghị về báo cáo bền vững đối với doanh nghiệp niêm yết.

3.10 Các Sáng kiến toàn cầu khác

- **Liên minh Báo cáo Bền vững của Doanh nghiệp** là liên minh của hơn 40 tổ chức, chủ yếu là các nhà đầu tư tổ chức, có quy mô quản trị hơn 1,6 nghìn tỷ đô la Mỹ, hướng tới việc tích hợp các vấn đề bền vững thực

chất vào trong chu trình báo cáo doanh nghiệp của mọi doanh nghiệp niêm yết và doanh nghiệp tư nhân lớn.

- **Tuyên bố Vốn Thiên nhiên và Hợp tác WAVES (Kê khai Tài nguyên và Định giá Dịch vụ Hệ sinh thái)** là cam kết tập thể của các quốc gia, doanh nghiệp tư nhân, định chế tài chính và nhóm xã hội dân sự nhằm định giá và giải trình về vai trò sống còn của thiên nhiên đối với kinh tế toàn cầu. (www.naturalcapitaldeclaration.org) (www.wavespartnership.org)
- **Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới vì Phát triển Bền vững (WBCSD)** là tổ chức được dẫn dắt bởi các tổng giám đốc của các doanh nghiệp có suy nghĩ tiên phong nhằm hướng tới tương lai bền vững cho doanh nghiệp, xã hội và môi trường. WBCSD cùng với các thành viên và bên liên quan như GRI phối hợp nhằm xây dựng và quảng bá các thông lệ tốt nhất của doanh nghiệp và vì sự phát triển của báo cáo phát triển bền vững từ năm 1995. WBCSD cũng đã xây dựng bộ công cụ (như bộ quy ước GHG Protocol với WRI) để hỗ trợ doanh nghiệp lượng hóa và báo cáo về công tác quản lý các vấn đề bền vững với các bên liên quan. (www.wbcsd.org)
- Nguyên tắc Đầu tư Trách nhiệm (PRI) là mạng lưới được Liên hợp quốc ủng hộ của hơn 1100 nhà đầu tư và đối tác dịch vụ quốc tế đang phối hợp để áp dụng sáu Nguyên tắc Đầu tư Trách nhiệm vào thực tiễn. Các Nguyên tắc phản ánh quan điểm cho rằng các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị của doanh nghiệp có thể ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của danh mục đầu tư và vì thế cần phải được các nhà đầu tư cân nhắc một cách thích hợp xem có phù hợp với nghĩa vụ ủy thác (hoặc tương đương) không. (www.unpri.org).

4/ NHỮNG BƯỚC CHÍNH CỦA QUY TRÌNH BÁO CÁO

Bản báo cáo bền vững đầu tiên có thể đòi hỏi doanh nghiệp phải huy động nhiều nguồn lực. Nhóm công tác phụ trách báo cáo sẽ cần có thời gian để xác định các yếu tố khác nhau phải tích hợp trong báo cáo và thu thập và xác nhận thông tin. Tuy nhiên, kinh nghiệm thu thập trong quá trình này có thể đem lại cho tổ chức nhiều lợi ích khác nhau, từ việc biết thêm nhiều thông tin đầu vào và cái nhìn mới về chiến lược và lãnh đạo, đến hiệu quả hoạt động, sáng tạo sản phẩm mới và tăng thêm độ hấp dẫn đối với nhà đầu tư và nhân viên.

Khi năng lực nội tại dần được cải thiện, trong những năm tiếp theo quá trình này sẽ dần dần trở nên đỡ tốn kém hơn và đem lại nhiều lợi ích hơn cho doanh nghiệp. Những bước sau đây có thể hỗ trợ doanh nghiệp ở thị trường mới nổi xây dựng hệ thống báo cáo có tính năng hỗ trợ quá trình học hỏi nội bộ và tối đa hóa lợi ích của quá trình báo cáo.

10 Bước chuẩn bị của Báo cáo Bền vững

- Bước 1: Xác định tầm nhìn và cam kết của doanh nghiệp đối với hiệu quả hoạt động phát triển bền vững và báo cáo bền vững
- Bước 2: Chỉ định lãnh đạo cao cấp để giám sát và giải trình về quá trình lập báo cáo và chịu trách nhiệm về bản thân bản báo cáo
- Bước 3: Thành lập nhóm công tác liên ngành để lập kế hoạch và chuẩn bị cho báo cáo bền vững
- Bước 4: Phân tích vị thế hiện tại của doanh nghiệp trong hành trình phát triển bền vững
- Bước 5: Tham vấn các bên liên quan
- Bước 6: Xác định các vấn đề quan trọng nhất cần báo cáo
- Bước 7: Lập kế hoạch cho quá trình thu thập dữ liệu
- Bước 8: Tổng hợp bản báo cáo
- Bước 9: củng cố tính xác thực của báo cáo
- Bước 10: Lập kế hoạch cho sự cải tiến liên tục

Bước 1: Xác định tầm nhìn và cam kết của doanh nghiệp đối với hoạt động phát triển bền vững và quá trình báo cáo bền vững

Đây là bước đầu tiên cần tiến hành khi doanh nghiệp quyết định ấn hành và công bố một báo cáo phát triển bền vững. Sự cam kết này cần phải xuất phát từ tập thể lãnh đạo cấp cao và được kết nối với tầm nhìn và mục đích rõ ràng của doanh nghiệp.

Bản báo cáo với tầm suy nghĩ hướng tới tương lai có thể hỗ trợ rất nhiều cho doanh nghiệp để tiến nhanh tới việc áp dụng các tập quán bền vững và tạo giá trị cho doanh nghiệp và các bên liên quan. Báo cáo cũng có thể trở thành

nền tảng để doanh nghiệp chủ động đối thoại với các nhà đầu tư. Báo cáo phải nhất quán hoàn toàn với hoạt động kinh doanh chủ chốt của doanh nghiệp và được lồng ghép trong cam kết xây dựng hệ thống quản lý bền vững một cách hiệu quả.

Yếu tố mấu chốt của báo cáo bền vững chân thực là mức độ nhìn nhận và đáp ứng mối quan tâm của các bên liên quan. Lãnh đạo doanh nghiệp ở vị thế tốt nhất để chứng minh doanh nghiệp cam kết đối thoại với các bên liên quan và thể hiện doanh nghiệp đã lắng nghe và sẽ có hành động thích ứng. Lắng nghe mối quan tâm và quan điểm của các bên liên quan cũng giúp củng cố thêm tầm nhìn và chiến lược của bản thân doanh nghiệp.

Bước 2: Chỉ định lãnh đạo cao cấp để giám sát và giải trình về quá trình lập báo cáo và chịu trách nhiệm về bản báo cáo

Thành viên lãnh đạo cao cấp hoặc giám đốc phải có trách nhiệm và khả năng giải trình về quá trình lập báo cáo và bản báo cáo cuối cùng một cách tương tự như đối với quá trình lập Báo cáo Thường niên. Định hướng rõ ràng ngay từ ban đầu sẽ giúp cho nhóm lập báo cáo và quá trình báo cáo xác định được các vấn đề ưu tiên và thông điệp của doanh nghiệp. Người lãnh đạo cao cấp cũng có thể thúc đẩy để áp dụng chuẩn báo cáo tham vọng hơn và đảm bảo bản báo cáo phù hợp và truyền tải chiến lược doanh nghiệp một cách hiệu quả nhất.

Yếu tố thành công

Trách nhiệm rõ ràng của lãnh đạo cấp cao sẽ gửi thông điệp trên phạm vi toàn doanh nghiệp rằng việc lập báo cáo phải được ưu tiên. Các ban ngành sẽ biết cách đáp ứng bằng cách điều chỉnh hệ thống một cách hiệu quả hơn.

Sự lãnh đạo có tầm nhìn từ trên xuống là yếu tố thành công quan trọng đối với báo cáo phát triển bền vững. Người lãnh đạo có trọng trách giám sát quá trình bày có thể đảm bảo nhóm lập báo cáo được trao thẩm quyền và quyền tiếp cận cần thiết để xây dựng báo cáo chuẩn xác. Điều này sẽ giảm bớt gánh nặng mà nhiều nhóm lập báo cáo gặp phải khi nhóm phải vật lộn để tiếp cận với các nhân viên và dữ liệu của doanh nghiệp.

Bước 3: Thành lập nhóm công tác liên ngành để lập kế hoạch và chuẩn bị cho báo cáo bền vững

Các giải pháp bền vững tốt nhất xuất phát từ các ban ngành chịu trách nhiệm về miếng ghép của họ trong tổng thể bức tranh lắp ghép. Chính vì vậy bước tiếp theo là để các ban ngành này tham gia trong quá trình lập báo cáo bền vững. Phương thức hiệu quả để đạt được mục tiêu này là thiết lập nhóm lập báo cáo bao gồm các nhân viên giỏi từ các lĩnh vực khác nhau trong hoạt động doanh nghiệp

Yếu tố thành công

Lựa chọn nhân viên ham hiểu biết và muốn học hỏi từ quá trình báo cáo. Họ sẽ được hưởng lợi từ việc hiểu sâu hơn về doanh nghiệp và xây dựng được quan hệ quý giá với nhân viên các ban ngành khác.

Một nhóm chủ chốt nhỏ hơn, bao gồm ba đến bốn nhân viên có thể được chỉ định để triển khai công việc hàng ngày của quá trình lập báo cáo. Nhóm lập báo cáo chủ chốt này phải gặp gỡ với nhóm công tác hai tuần một lần để rà soát quá trình cập nhật việc lập kế hoạch nội dung và thu thập dữ liệu.

Khi đại diện cho quan điểm khác nhau, các bộ phận khác nhau của doanh nghiệp, nhóm công tác có thể thu thập và xác định bối cảnh của thông tin dữ liệu một cách có chất lượng và hiệu quả. Thành viên nhóm công tác có trách nhiệm tích hợp các thông tin thu thập được trong quá trình lập báo cáo trở lại hoạt động của các ban ngành khác nhau.

Bước 4: Phân tích vị thế hiện tại của doanh nghiệp trong hành trình phát triển bền vững

Thông thường thông tin về hoạt động E&S của doanh nghiệp, cùng với các khía cạnh kinh tế và quản trị doanh nghiệp sẽ bị phân tách giữa các ban ngành và cấp độ quản lý khác nhau trong doanh nghiệp. Nếu thông tin này chưa được thu thập trước đó, thì đây sẽ là cơ hội để xây dựng hệ thống cho phép thu thập thông tin cần thiết và đảm bảo thông tin được truyền tải một cách đầy đủ và dễ hiểu.

Các doanh nghiệp thường xây dựng báo cáo xã hội chuyên biệt về sự tham

gia của cộng đồng địa phương và cũng có thể đã chuẩn bị và gửi báo cáo môi trường tới cơ quan chức năng liên quan, hoặc đã có hệ thống tuyển dụng và quản lý nhân viên. Quá trình lập báo cáo bền vững có thể thúc đẩy việc tích hợp các khía cạnh khác nhau này và cung cấp thông tin đầu vào đối với chiến lược bền vững của doanh nghiệp với sự kết hợp của mọi bộ phận.

Phiên họp đầu tiên về việc lập kế hoạch cho quá trình báo cáo có thể tập trung vào việc phân tích hiện trạng của các yếu tố đầu vào khác nhau này và tích hợp các yếu tố trên thành một tầm nhìn mạch lạc và kế hoạch chặt chẽ cho bản báo cáo.

Bước 5: Tham vấn các bên liên quan

Báo cáo bền vững được xác định một phần dựa trên sự trông đợi của các bên liên quan bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Mỗi quan tâm của các nhóm bên liên quan chủ đạo, đặc biệt là chính phủ, nhà đầu tư, tổ chức phi chính phủ, nhân viên, các nhà cung cấp và khách hàng cần được xem xét đúng mức. Báo cáo bền vững không nhất thiết phải giải quyết tất cả các mối quan tâm này, nhưng việc hiểu rõ được mối quan tâm của các bên liên quan sẽ hỗ trợ rất nhiều cho quá trình lập báo cáo và kết quả báo cáo, đặc biệt là nếu các bên liên quan tin tưởng rằng ý kiến của họ được lắng nghe.

Sự tham gia của các bên liên quan thường là hoạt động mới lạ đối với nhóm lập báo cáo, nhưng dù chỉ nỗ lực tối thiểu cũng có thể đem lại giá trị gia tăng to lớn. Có thể thu thập được một phần thông tin về quan điểm của các bên liên quan từ những tương tác hoạt động thường ngày, ví dụ như thăm dò nhân viên và khách hàng. Dữ liệu về thư từ giao dịch với các nhà đầu tư và quản lý cũng có thể có ích nếu chúng góp phần nêu bật các vấn đề và mối quan tâm thực chất.

Thông tin hiện có cũng có thể đã đủ cho chu trình báo cáo đầu tiên. Các tổ chức doanh nghiệp có thể quyết định tập trung sự tương tác với các bên liên quan để thu thập thông tin và quyết định nội dung báo cáo tiếp theo. Mục tiêu là thiết lập sự đối thoại và xây dựng kênh phản hồi thông tin thường xuyên với các bên liên quan.

Yếu tố thành công

Một phần thiết yếu trong quá trình tham gia của các bên liên quan là phản hồi lại với các bên liên quan về việc các mối quan ngại của họ có được giải quyết không và giải quyết thế nào.

Việc báo cáo, công bố và trao đổi thông tin với các bên liên quan phải được điều chỉnh cho phù hợp với các mức độ khác nhau về học vấn, mức độ tiếp cận thông tin và nhu cầu về thông tin. Các bên liên quan cũng có thể tham gia vào một số chủ đề cụ thể. Các vấn đề như bảo mật thông tin và quan ngại cạnh tranh phải được cân nhắc cẩn thận khi tổ chức các hoạt động gắn kết với các bên liên quan.

Các ví dụ về phương thức tham gia khác nhau của các bên liên quan

Phương thức tham gia	Mục đích tham gia	Cấp độ bản báo cáo
Thông tin được đăng tải trên trang web và trong các văn bản và công bố của doanh nghiệp	Thông báo với các bên tham gia về các nỗ lực bền vững của doanh nghiệp và phản hồi đối với mỗi quan ngại của các bên liên quan	Mọi giai đoạn của quá trình báo cáo
Khảo sát (Thư điện tử, gửi văn bản hoặc hỏi trực tiếp)	Thu thập thông tin về mối quan ngại và quan tâm của các bên liên quan	Báo cáo cơ bản và tầm trung
Phỏng vấn nhóm	Lắng nghe và thảo luận về sự phản hồi của các bên liên quan về những vấn đề hoặc sáng kiến cụ thể	Báo cáo giai đoạn tầm trung và nâng cao
Hội đồng của các bên liên quan	Sự tham gia của nhóm chuyên gia nhằm góp ý ngay và có tính chất định kỳ đối với báo cáo bền vững và chiến lược bền vững của doanh nghiệp	Báo cáo giai đoạn tầm trung và nâng cao

Điện thoại, thư điện tử hoặc “đường dây nóng” trên trang web

Cho phép mọi bên tham gia liên lạc với doanh nghiệp về những mối quan ngại hoặc góp ý và tiếp nhận phản hồi về cách xử lý của doanh nghiệp

Báo cáo nâng cao

Bước 6: Xác định các vấn đề quan trọng nhất cần báo cáo

Khái niệm “thực chất” là yếu tố thường gặp trong phần lớn các tiêu chuẩn và khuôn khổ về báo cáo bền vững. Đó cũng là một phần của báo cáo tài chính. Điều đó có nghĩa là chính doanh nghiệp sẽ quyết định những vấn đề, rủi ro và cơ hội quan trọng nhất là gì để đề cập trong báo cáo. Những khía cạnh và chỉ số then chốt được liệt kê trong các chuẩn báo cáo có thể được dùng để xác định những vấn đề thực chất. Nhưng những vấn đề trên vẫn cần phải được xếp hạng ưu tiên dựa trên sự kết hợp của i) quan điểm của bản thân doanh nghiệp về những gì quan trọng và có liên quan nhất, và ii) mối quan ngại của các bên liên quan.

Thông tin thực chất là mọi thông tin ảnh hưởng tới quá trình đánh giá và quyết định của bên liên quan đối với doanh nghiệp. Ban lãnh đạo doanh nghiệp tập trung chính vào thông tin này khi quyết định về tương lai doanh nghiệp. Quá trình cân nhắc về sự bền vững thực chất cũng phải được gắn liền với mô hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Đối với nhiều doanh nghiệp thực hiện báo cáo bền vững đầu tiên, đây có thể sẽ là lần đầu doanh nghiệp phải xác định các vấn đề thực chất một cách có hệ thống, ví dụ như lựa chọn từ ba đến năm yếu tố phát triển bền vững được ưu tiên nhất đối với tổ chức. Cũng có thể tích hợp thêm thông tin khác nữa, nhưng các vấn đề được ưu tiên nhất vẫn sẽ giúp xác định thông điệp chính của bản báo cáo. Các yếu tố trên cũng sẽ được nêu bật trong thông điệp chính của Tổng giám đốc và trong bảng tổng quan dữ liệu then chốt ngay ở phần đầu của báo cáo.

Yếu tố thành công

Một cốt truyện ngắn gọn và rõ ràng là đủ để giao tiếp một cách hiệu quả với người đọc. Vì vậy, xác định được yếu tố thực chất đối với bản báo cáo là yếu tố quan trọng của thành công.

Bước 7: Lập kế hoạch cho quá trình thu thập dữ liệu

Trong nhiều trường hợp các doanh nghiệp công bố một câu chuyện hấp dẫn mà không cung cấp được dữ liệu cụ thể và xác đáng để minh chứng cho hoạt động của mình. Trong quá trình xây dựng báo cáo, nhóm báo cáo cần hiểu rõ thông tin nào có thể có được và mức độ liên quan. Kế hoạch hành động được xây dựng ngay từ lúc bắt đầu quá trình xây dựng báo cáo sẽ đảm bảo là thông tin chủ chốt trên được tìm hiểu ngay từ đầu.

Nhóm báo cáo phải có vai trò quan trọng trong việc thu thập dữ liệu liên quan từ hệ thống có sẵn và hỗ trợ việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin mới nếu cần. Với sự hỗ trợ của các bộ phận công tác, nhóm báo cáo sẽ kiểm tra dữ liệu và hệ thống cơ sở để đảm bảo chất lượng dữ liệu được thu thập. Sau đó, dữ liệu sẽ được đánh giá để xác định mức độ truyền tải thông điệp và mục tiêu bao trùm của báo cáo bền vững.

Yếu tố thành công

Sự giám sát từ lãnh đạo cấp cao sẽ hỗ trợ cho quá trình thu thập dữ liệu bằng cách ủy quyền và trao chức năng cho nhóm báo cáo.

Bước 8: Tổng hợp bản báo cáo

Nhóm báo cáo bây giờ đã sẵn sàng viết bản báo cáo để phù hợp với dữ liệu thu thập được và giải quyết những vấn đề thiết yếu và những quan ngại của các bên liên quan mà nhóm đã xác định được. Đây cũng là thời điểm quan trọng để quyết định hình thức phù hợp đối với nội dung phát triển bền vững.

Thông thường báo cáo bền vững được in ấn dưới dạng một ấn bản duy nhất bao gồm loạt thông tin đầy đủ về hoạt động bền vững của doanh nghiệp trong vòng năm qua. Tất cả thông tin được tập trung một chỗ thì tiện cho việc nắm bắt được tinh thần của toàn bộ câu chuyện. Tuy nhiên, không phải bên liên quan nào cũng muốn có tất cả các thông tin trong một báo cáo như vậy. Doanh nghiệp có thể cân nhắc có một số hình thức báo cáo khác nhau cung cấp cho các bên liên quan khác nhau, với nội dung mà bên đó quan tâm nhất. Một số kênh bổ sung đối với báo cáo bền vững là:

- Nội dung và dữ liệu ưu tiên được tích hợp trong Báo cáo Thường niên

- Loạt nội dung, dữ liệu, thông tin đồ thị và video công bố trên trang web của doanh nghiệp

- Catalogue với thông tin nổi bật

- Thông tin cụ thể in trên nhãn mác hàng hóa

- Gửi thư điện tử chọn lọc cho nhóm bên liên quan cụ thể

- Báo cáo tóm tắt cho nhà đầu tư

- Phản hồi đối với kết quả thăm dò của các cơ quan nghiên cứu và cơ quan xếp hạng

Yếu tố thành công

Hãy hỏi bên liên quan họ ưu tiên hình thức nào để tiếp nhận thông tin về hoạt động bền vững của doanh nghiệp. Liên tục kiểm tra xem hình thức nào phù hợp nhất.

Bước 9: Củng cố tính xác thực của báo cáo

Một trong những cách củng cố lòng tin của các bên liên quan đối với báo cáo của doanh nghiệp là bổ sung bằng sự đảm bảo của bên thứ ba. Sự đảm bảo này tương tự như việc kiểm toán đối với báo cáo thường niên.

Sự đảm bảo này tập trung vào **tính chính xác và đầy đủ** của thông tin trong báo cáo bền vững, và tập trung vào mức độ mà bản báo cáo giải quyết các **mối quan tâm và quan ngại của bên liên quan**.

Sự đảm bảo đối với báo cáo bền vững thông thường đánh giá **mức độ tin cậy của hệ thống dữ liệu** cơ sở được dùng để thu thập dữ liệu và nội dung cho bản báo cáo. Có thể cần thêm một số báo cáo kiểm toán cụ thể đối với một số dự án, nghiên cứu tình huống hoặc dữ liệu hoạt động được lựa chọn.

Các bên đứng ra đảm bảo có thể tăng thêm giá trị cho nỗ lực xây dựng báo cáo của doanh nghiệp bằng cách xác định những thách

Yếu tố thành công

Hãy lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ đảm bảo có uy tín để tăng thêm giá trị cho hoạt động báo cáo hiện có.

thực hiện tại và **khuyến nghị cách thức mà doanh nghiệp có thể áp dụng để cải thiện trong chu trình báo cáo tiếp theo**. Nhiều doanh nghiệp công bố các khuyến nghị trên trong báo cáo bền vững để xây dựng lòng tin với người đọc. Việc chia sẻ sự cập nhật này trong hành trình xây dựng báo cáo bền vững là cách thức để chứng minh cho các bên liên quan là doanh nghiệp minh bạch và cam kết cải tiến liên tục.

Bước 10: Lập kế hoạch cho sự cải tiến liên tục

Xây dựng báo cáo bền vững là quá trình tiếp diễn có giá trị nhằm thúc đẩy cải tiến liên tục trong chiến lược bền vững của doanh nghiệp. Sau khi doanh nghiệp hoàn thành báo cáo, nên nghĩ tới những bước tiếp theo để tích hợp được kết quả vào trong chu kỳ của chiến lược doanh nghiệp và thiết kế những hệ thống cải tiến để quản trị hoạt động E&S.

Trong tương lai, báo cáo tài chính và báo cáo bền vững có thể được tích hợp lại, tiến tới việc được công bố trong một bản báo cáo thường niên duy nhất của doanh nghiệp. Sẽ tốt hơn nếu doanh nghiệp chuẩn bị trước cho sự dịch chuyển này bằng cách phối hợp và định hướng cho công việc của nhóm lập báo cáo bền vững và nhóm lập báo cáo thường niên. Một trong những cách thức tốt để phối hợp định hướng này là đảm bảo báo cáo bền vững được chuẩn bị cùng chu kỳ với báo cáo thường niên. Điều này sẽ đảm bảo là dữ liệu có thể được so sánh trong cùng một giai đoạn thời gian.

Một đặc điểm khác của các báo cáo chất lượng hàng đầu là việc xác định và công bố các mục tiêu của hoạt động bền vững. Việc đặt ra mục tiêu sẽ giúp cho doanh nghiệp tập trung hướng tới mục tiêu rõ nét của hoạt động bền vững. Điều này cũng giúp các nhà đầu tư và các bên liên quan khác hiểu rõ về định hướng mà doanh nghiệp đang theo đuổi và khả năng doanh nghiệp đạt được mục tiêu trên sau này. Mục tiêu nên cân đối giữa mức độ mong muốn và mức độ khả thi.

5/ KHÍA CẠNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG BÁO CÁO BỀN VỮNG

Nội dung báo cáo nên tập trung vào những vấn đề E&S thực chất đối với hoạt động của doanh nghiệp và các bên liên quan. Vấn đề thực chất là các vấn đề được doanh nghiệp coi là quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp và đối với

các bên liên quan bên ngoài doanh nghiệp, ví dụ như cộng đồng dân cư, bên mua hàng, nhà cung cấp và nhà đầu tư.

Những cấu phần chuẩn của báo cáo bền vững bao gồm chiến lược phát triển, cách tiếp cận quản lý và hiệu quả hoạt động đối với các vấn đề E&S cụ thể.

Dưới đây là một số vấn đề E&S có tính chất định hướng để doanh nghiệp niêm yết của Việt Nam cân nhắc². Còn các khía cạnh về quản trị doanh nghiệp đã được giới thiệu trong tài liệu hướng dẫn về quản trị doanh nghiệp³.

Môi trường	Xã hội
Tiết kiệm năng lượng	Chế độ lương thưởng cho nhân viên
Phát thải Khí nhà kính GHG	Chế độ phúc lợi
Bảo tồn đa dạng sinh học	Thay đổi nhân công
Sử dụng nước	Sức khỏe của nhân viên
Sử dụng tài nguyên thiên nhiên	Thông lệ về an toàn lao động
Biến rác thải thành năng lượng	Mức độ đa dạng
Tải chế	Củng cố cộng đồng địa phương

Thông tin được công bố trong báo cáo bền vững phải:

- Tập trung vào việc miêu tả một cách xúc tích khía cạnh, tác động, rủi ro và cơ hội của những vấn đề E&S thực chất đối với tổ chức và các bên liên quan khác nhau
- Bao gồm bức tranh toàn cảnh về chiến lược và mục tiêu của tổ chức đối với những vấn đề trên
- Bao gồm thông tin về hoạt động của tổ chức liên quan tới các vấn đề thực chất, cũng như cách tiếp cận của ban lãnh đạo đối với hoạt động trên
- Cung cấp đánh giá cân bằng về hiệu quả hoạt động, nhấn mạnh những lĩnh vực tích cực và được cải thiện

²Phỏng theo: *Thị trường Chứng khoán Bền vững: Trở ngại thực, Cơ hội thực – Tài liệu chuyên đề được chuẩn bị cho Đối thoại về Thị trường Chứng khoán bền vững 2010 (Tháng 11, 2009)*

³Nguồn: IFC, *Cẩm nang Quản trị Công ty, 2010*

- Là phương tiện chủ yếu để công bố thông tin của tổ chức nhằm thúc đẩy định hướng, mục đích, mục tiêu và dự báo tương lai của tổ chức đối với các bên liên quan.

Báo cáo bền vững cũng phải bao gồm định nghĩa về phạm vi báo cáo, xác định các thực thể và hoạt động của doanh nghiệp/tập đoàn được đề cập trong báo cáo về hiệu quả hoạt động phát triển bền vững, chiến lược và quản trị. Về nguyên tắc, báo cáo này cũng có cùng ranh giới và phạm vi với báo tài chính thường niên.

Đồng thời phải xác định rõ giai đoạn báo cáo là theo niên lịch hay năm tài chính (Tháng 4-3/Tháng 7-6), và nên nhất quán với giai đoạn báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Khi tuân thủ các quy định này, có ba loại chỉ số chính đối với báo cáo bền vững:

1. Chỉ số quy mô
2. Chỉ số tiêu chuẩn về mức công bố thông tin
3. Chỉ số hiệu quả hoạt động

5.1 Chỉ số quy mô

Quy mô liên quan tới dải các vấn đề bền vững được đề cập trong báo cáo bền vững. Phạm vi đề cập tới các thực thể phụ của tổ chức được đề cập trong quy mô báo cáo. Nếu có sự thay đổi về quy mô hoặc phạm vi, ngay từ báo cáo đầu tiên hoặc trong những năm tiếp theo, thì phải có thông tin giải thích cả về sự thay đổi và nguyên nhân thay đổi.

“Phạm vi” của báo cáo được xác định dựa trên việc đánh giá xem những thực thể nào sẽ được đề cập trong báo cáo. Thông thường thì cơ sở để lựa chọn phạm vi báo cáo được quyết định bởi mức độ cổ phần chi phối trong doanh nghiệp, sự quản lý về tổ chức và vận hành, cũng như khả năng báo cáo bổ sung về các thực thể khác nhau.

Phạm vi Báo cáo

Ở mức tối thiểu, tổ chức xây dựng báo cáo phải đề cập tới những thực thể sau đây trong báo cáo của mình:

- Những thực thể do tổ chức quản lý và phải được đề cập trong Chỉ số về Hiệu quả Hoạt động Vận hành (phát thải, chất thải, lao động trẻ em, v.v...)
- Những thực thể mà tổ chức có tầm ảnh hưởng đáng kể phải được đề cập trong Công bố về Phương thức Tiếp cận trong Quản lý (hệ thống quản lý, những chuẩn mực, chứng nhận, v.v...)

Đánh giá sơ bộ về tính Thực chất

Sự kết hợp của các yếu tố bên trong và bên ngoài sẽ quyết định liệu thông tin có thực chất hay không, bao gồm cả các yếu tố như sứ mệnh tổng thể và chiến lược cạnh tranh của tổ chức, những mối quan ngại do các bên liên quan trực tiếp nêu ra, sự trông đợi rộng hơn về mặt xã hội và tầm ảnh hưởng của tổ chức đối với các thực thể thượng và hạ nguồn. Quá trình đánh giá tính thực chất cũng phải tính đến yêu cầu cơ bản được nêu trong các tiêu chuẩn quốc tế và trong các thỏa thuận mà tổ chức cần tuân thủ, ví dụ như Tiêu chuẩn hoạt động của IFC hoặc Hiệp ước toàn cầu của Liên hợp quốc.

Xác định mức độ ưu tiên

Sau khi xác định được các vấn đề thực chất, các vấn đề này có thể được sắp xếp theo mức độ ưu tiên đối với doanh nghiệp và tầm quan trọng đối với các bên liên quan.

5.2 Chỉ số Tiêu chuẩn về Công bố Thông tin

Thông tin về Tổ chức

Phần này phải bao gồm thông tin và dữ liệu cơ bản về hoạt động của thực thể doanh nghiệp sao cho báo cáo có bối cảnh và có thể so sánh được với các doanh nghiệp có vị thế tương tự.

Chiến lược và Phân tích

Phần này có mục đích cung cấp thông tin sâu hơn về những vấn đề chiến lược. Thông tin phải cung cấp tầm nhìn bao quát, có tính chiến lược về mối liên hệ của tổ chức đối với vấn đề bền vững để xây dựng bối cảnh cho phần báo cáo tiếp theo ở mức chi tiết hơn.

Các nhà đầu tư sẽ đặc biệt quan tâm tới mức độ cam kết của doanh nghiệp đối với phát triển bền vững. Phần này cho biết về các biện pháp có thể ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai và định hướng cho hệ thống quản trị tích hợp và hiệu quả cần xây dựng và duy trì trong toàn bộ tổ chức.

Tuyên bố Cam kết của Ban lãnh đạo

Báo cáo phải bao gồm tuyên bố của Tổng giám đốc về chiến lược và hoạt động phát triển bền vững. Tuyên bố chỉ nên ngắn gọn một hoặc hai trang và tổng kết về những yếu tố sau:

- Tổ chức có quan điểm thế nào về tính bền vững trong bối cảnh mô hình kinh doanh cốt lõi, bối cảnh các bên liên quan, và cân đối giữa nhu cầu và sự trông đợi
- Các vấn đề E&S, nêu nổi bật về hoạt động, bao gồm cả thành công và thất bại
- Mọi mục đích và mục tiêu do ban lãnh đạo đặt ra để cải thiện hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian báo cáo
- Các vấn đề ưu tiên về E&S, hội nhập các bên liên quan và mục đích tương lai
- Các vấn đề khác, bao gồm cả việc báo cáo được xây dựng dựa trên khuôn khổ này hay khuôn khổ khác và Giai đoạn/Chu kỳ báo cáo. Thời điểm báo cáo thường niên và bền vững nên trùng nhau.

Sau khi đã xác định các vấn đề và tính thiết thực, các doanh nghiệp nên xây dựng tầm nhìn bền vững. Tầm nhìn bền vững là sự miêu tả vị thế bền vững mà doanh nghiệp muốn đạt được, và tầm nhìn này phải phù hợp với chiến lược doanh nghiệp. Tầm nhìn phải tính đến các yếu tố rủi ro then chốt, hiệu quả tiềm năng và doanh thu liên quan tới phát triển bền vững hoặc các cơ hội khác biệt mà doanh nghiệp nhận thức được.

Danh mục các chỉ số liên quan được sử dụng trong báo cáo

Báo cáo phải bao gồm danh mục để giúp cho người đọc tìm thấy thông tin liên

quan tới các chỉ số cụ thể. Danh mục có thể được liên kết với Chỉ số GRI hoặc các tiêu chuẩn liên quan nếu cần thiết. Điều này sẽ hỗ trợ rất nhiều cho các nhà phân tích nghiên cứu khi lập báo cáo về doanh nghiệp cho nhà đầu tư.

5.3 Chỉ số Hiệu quả hoạt động

Phần này bao gồm bảng liệt kê các khía cạnh E&S then chốt mà doanh nghiệp nên cân nhắc và đưa vào nội dung báo cáo bền vững của mình. Mức độ chi tiết và các chỉ số hiệu quả hoạt động chính (KPI) được lựa chọn có thể thay đổi tùy theo tầm quan trọng của lĩnh vực cụ thể và mức độ quan tâm của các bên liên quan.

Bảng dưới đây giới thiệu một số khía cạnh E&S khác nhau để báo cáo. Phụ lục 3 giới thiệu chung về các chỉ số cốt lõi trong khuôn khổ GRI G3.1 có thể được sử dụng để báo cáo về các khía cạnh trên. Khuôn khổ GRI được sử dụng rộng rãi và có thể được dùng làm xuất phát điểm đáng tin cậy. Các khuôn khổ khác cũng có thể được sử dụng để xác định các chỉ số hữu ích tiềm năng, đặc biệt là phần hướng dẫn tập trung vào thông lệ cho từng ngành cụ thể.

Khía cạnh	Miêu tả
Quản lý nguồn lực	Khía cạnh này đề cập tới thông tin chi tiết về mức tiêu thụ nguồn lực về mặt cường độ và mức tuyệt đối. Nguồn lực ở đây là tài nguyên thiên nhiên và vật chất dẫn xuất từ tài nguyên thiên nhiên. Doanh nghiệp cũng phải trích dẫn các sáng kiến về bảo toàn, tái sử dụng và tái chế các nguồn lực này.
Chất thải khí, chất thải lỏng và chất thải rắn	Khía cạnh này đề cập tới tác động tới môi trường về mặt tuyệt đối và cường độ của các chất thải khí, lỏng và rắn ra môi trường, cũng như quy trình xử lý và xả thải an toàn về mặt môi trường. Các tổ chức được khuyến khích báo cáo về các sáng kiến giảm thiểu tác động của các chỉ số chất thải môi trường trên.

Năng lượng và biến đổi khí hậu	Các tổ chức nên báo cáo về mức tiêu thụ năng lượng của các hoạt động kinh doanh, bao gồm cường độ năng lượng, nguồn năng lượng và sáng kiến tiết kiệm năng lượng. Tiêu thụ năng lượng và các quá trình khác có thể gây ra phát thải có tác động tới biến đổi khí hậu. Các tổ chức nên lượng hóa và công bố mức phát thải khí nhà kính GHG theo tiêu chuẩn được quốc tế công nhận và miêu tả các biện pháp được áp dụng để giảm nhẹ tác động biến đổi khí hậu.
Đa dạng sinh học	Khía cạnh này đề cập tới tác động của hoạt động doanh nghiệp tới đa dạng sinh học. Phần này có thể bao gồm các lĩnh vực đa dạng sinh học và giống loài được bảo vệ hoặc phục hồi.
Tuân thủ Môi trường	Các tổ chức nên công bố hiện trạng chung của họ về mặt tuân thủ các quy định và nguyên tắc khác nhau đối với hoạt động môi trường, cũng như chi tiết về việc không tuân thủ, nếu có.
Trách nhiệm Sản phẩm	Khía cạnh này đề cập tới hiệu ứng của sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng và người tiêu dùng cuối. Ví dụ điều này có thể liên quan tới tập quán đảm bảo sức khỏe và an toàn của khách hàng, quy trình đảm bảo sự hài lòng của khách hàng và thu hồi sản phẩm, quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ thông tin về khách hàng. Quá trình công bố cũng phải bao gồm thông tin về các sự kiện không tuân thủ các quy định và nguyên tắc được áp dụng.

Tuyển dụng	Các tổ chức nên công bố thông tin về nhân công và sự đa dạng trong nguồn nhân lực, và các vấn đề trên được xử lý thế nào trong mối quan hệ với sự thay đổi về nhân công.
Sức khỏe và An toàn Nghề nghiệp	Các tổ chức nên công bố thông tin về các tập quán và hoạt động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của nhân viên.
Xây dựng Năng lực và Đào tạo	Khía cạnh này đề cập tới cơ hội mà nhân công có được để xây dựng năng lực - thông qua đó hỗ trợ cho quá trình xây dựng năng lực của tổ chức.
Quan hệ Quản lý Lao động	Khía cạnh này đề cập tới tập quán cũng có quan hệ quản lý lao động hòa hảo. Các tổ chức cũng nên công bố trường hợp không tuân thủ tiêu chuẩn cơ bản của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) liên quan tới lao động trẻ em hoặc lao động cưỡng bức, sự phân biệt đối xử và tự do hiệp hội công đoàn.
Quản lý Chuỗi cung ứng	Các tổ chức nên công bố phạm vi và hoạt động của chuỗi cung ứng về tập quán bền vững và quản lý rủi ro.
Chống Tham nhũng	Các tổ chức nên công bố tập quán phòng tránh tham nhũng trong hoạt động kinh doanh và cơ chế để khắc phục các trường hợp trên.
Tác động Xã hội	Khía cạnh này đề cập tới mọi tác động tiêu cực của hoạt động doanh nghiệp tới cộng đồng địa phương và các biện pháp được áp dụng để khắc phục các tác động đó.
Đầu tư Cộng đồng	Khía cạnh này đề cập tới đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

6/ PHỤ LỤC 1: ĐỊNH VỊ CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ NHU CẦU CỦA CÁC BÊN

Các thực thể, nhóm người hoặc cá nhân có tác động đến công việc kinh doanh hoặc bị tác động bởi hoạt động kinh doanh được gọi là “các bên liên quan”. Các doanh nghiệp hàng đầu hiểu rõ sự tham gia hiệu quả của các bên liên quan có thể góp phần cải thiện các phương pháp tiếp cận kinh doanh, khuôn khổ rủi ro và cơ hội. Những lý do chính để khuyến khích bên liên quan cùng tham gia là:

- Xây dựng lòng tin trong các mối quan hệ kinh doanh chính
- Giảm rủi ro về uy tín
- Tránh bị gián đoạn quá trình vận hành doanh nghiệp do hành động của bên liên quan
- Xác định và hiểu rõ tác động của các hoạt động tới các bên liên quan
- Đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan một cách hiệu quả
- Chia sẻ thông tin về tiến trình triển khai các sáng kiến E&S
- Xác định các lĩnh vực hợp tác để phát triển bền vững hơn
- Có được tầm nhìn sâu sắc hơn đối với các cơ hội kinh doanh mới.

Mục đích của việc **định vị các bên liên quan** nhằm đảm bảo xác định ở mức tối đa nhất tất cả các bên liên quan. Các câu hỏi sau đây có thể được sử dụng để hướng dẫn quá trình định vị các bên liên quan:

- **Trách nhiệm:** công ty có trách nhiệm về pháp luật, tài chính và vận hành với ai?
- **Ảnh hưởng:** Những bên liên quan nào có ảnh hưởng hoặc quyền quyết định với công ty và các hoạt động của công ty?
- **Sự gần gũi:** Tổ chức duy trì quan hệ với những bên liên quan nào mật

thiết nhất? Ví dụ các bên liên quan trong nội bộ, các bên liên quan với mối quan hệ lâu dài, và các tổ chức mà công ty phải phụ thuộc vào trong các hoạt động thường ngày.

- **Phụ thuộc:** Các bên liên quan nào phụ thuộc trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động của công ty về các khía cạnh kinh tế hoặc tài chính, hoặc về mặt cơ sở hạ tầng mang tính khu vực hoặc địa phương? Mối quan hệ này bao gồm cả những bên liên quan phụ thuộc vào dịch vụ cơ bản do công ty cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp.

- **Đại diện:** Bên liên quan nào có thể đòi hỏi được đại diện cho cộng đồng một cách hợp pháp, ví như thông qua những quy định, tập quán hoặc tập tục văn hóa?

- **Mục tiêu của chính sách và chiến lược:** các bên liên quan nào được chính sách và nguyên tắc chủ đạo của công ty hướng tới trực tiếp hoặc gián tiếp, bao gồm cả những đối tượng có khả năng đưa ra những cảnh báo sớm về các vấn đề và rủi ro đang nổi lên?

7/ PHỤ LỤC 2: TỔNG QUAN VỀ QUÁ TRÌNH KIỂM TOÁN BÁO CÁO BỀN VỮNG ĐIỂN HÌNH

Tiêu chuẩn đảm bảo như AA1000, ISAE 3000 hoặc Dutch 3410N cung cấp hướng dẫn cho các kiểm toán viên khi thực hiện quá trình kiểm toán báo cáo phát triển bền vững của một tổ chức. Mục tiêu của việc tham gia đảm bảo nhằm:

- a. Có sự đảm bảo hợp lý (tham gia kiểm toán), hoặc
- b. Đảm bảo hạn chế (tham gia rà soát) hoặc
- c. Kết hợp của hai mức độ đảm bảo trên.

Thông thường có năm bước của quá trình đảm bảo:

1. Bên cung cấp dịch vụ đảm bảo và doanh nghiệp sẽ soạn thảo và chấp thuận một **Bản thỏa thuận hoặc Thư chào dịch vụ**. Mọi điều khoản hạn chế phải được nêu rõ trong báo cáo phát triển bền vững. Các loại hình bảo đảm, dù là kiểm toán hay rà soát hoặc sự kết hợp của hai loại hình này đều phải được ghi rõ bằng văn bản trong thư chào hàng. Kiểm toán viên phải đảm bảo nhóm nghiên cứu đủ kỹ năng về phát triển bền vững để thực hiện quá trình đảm bảo và cũng có thể nhờ sự trợ giúp của các chuyên gia bên ngoài về các vấn đề phát triển bền vững cụ thể khi cần thiết.

2. **Thực hiện việc rà soát tại chỗ bản báo cáo phát triển bền vững** và những thông tin khác về doanh nghiệp. Việc rà soát tại chỗ hướng dẫn báo cáo và quá trình lập báo cáo phát triển bền vững cũng được thực hiện. Cách thức trình bày tổng thể của báo cáo bền vững, bao gồm mức độ cân đối của các vấn đề, cũng được đánh giá.

3. **Thăm cơ sở** được thực hiện để phỏng vấn những cán bộ chủ chốt của công ty, thăm một số cơ sở mẫu trong khuôn khổ báo cáo, phân tích dữ liệu và bằng chứng, và phỏng vấn nhân viên tại cơ sở và các bên liên quan thích hợp nếu cần thiết.

4. Xác minh các dữ liệu định lượng cần thiết để tính toán các chỉ số cuối cùng cần được thực hiện, xét trên các khía cạnh như mức độ liên quan, tính đại diện, sự đa dạng và mức tin cậy dự kiến. Tiếp theo thường là việc xác minh các chỉ số đã được tính toán lần cuối cùng, trên cơ sở dữ liệu đã được rà soát, và có tính tới cơ chế thu thập và tính toán.

5. Cung cấp Tuyên bố đảm bảo và Bản kiểm toán tóm tắt: kết quả kiểm toán/rà soát sẽ được thảo luận tại cuộc họp với hội đồng quản trị của công ty tại trụ sở chính sau khi kết thúc chuyến thăm cơ sở và đã có được những kết quả quan trọng. Một bản Tuyên bố đảm bảo và Bản kiểm toán tóm tắt, có nội dung về cơ hội để cải thiện và thu hẹp khoảng cách nếu có, thường được đưa ra tại cuộc họp này. Tuyên bố đảm bảo ghi rõ những phần nào của báo cáo phát triển bền vững đã được kiểm toán, những phần nào đã được rà soát và những phần nào không được coi là nằm trong phạm vi xem xét. Nếu việc kiểm tra báo cáo bị hạn chế, kiểm toán viên phải ghi lại trong bản báo cáo của mình và viện dẫn lý do hạn chế mà ban lãnh đạo nêu ra trong bản báo cáo bền vững. Nếu trong quá trình thực hiện báo cáo, kiểm toán viên đi đến kết luận rằng các tiêu chí báo cáo được sử dụng là không phù hợp, thì kiểm toán viên phải ghi lại việc này trong bản báo cáo đảm bảo. Đối với hình thức rà soát, kiểm toán viên cần nêu rõ các quy trình được thực hiện bị hạn chế hơn so với các quy trình kiểm toán. Biên bản cam kết đảm bảo được ký và được đưa vào phần cuối của báo cáo phát triển bền vững và có thể được cung cấp cho các bên liên quan bằng văn bản hoặc có thể dưới dạng bản mềm có thể tải về từ trang web hoặc theo cả hai cách trên.

8/ PHỤ LỤC 3: HƯỚNG DẪN GRI G3 - TÓM TẮT VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Chiến lược & Phân tích

- 1.1 Tuyên bố của lãnh đạo cấp cao nhất của tổ chức.
- 1.2 Mô tả các tác động, rủi ro và cơ hội chính.

2. Hồ sơ Tổ chức

- 2.1 Tên của tổ chức
- 2.2 Thương hiệu, sản phẩm và/hoặc dịch vụ chính.
- 2.3 Sơ đồ hoạt động của tổ chức, bao gồm các bộ phận chính, các công ty hoạt động, các công ty con và công ty liên doanh.
- 2.4 Địa chỉ của trụ sở chính của tổ chức.
- 2.5 Số quốc gia nơi tổ chức hoạt động, và tên của các quốc gia mà tổ chức có hoạt động chính hoặc các quốc gia liên quan đặc biệt tới vấn đề phát triển bền vững được đưa ra trong bản báo cáo.
- 2.6 Loại hình sở hữu và mô hình pháp lý.
- 2.7 Thị trường phục vụ (bao gồm cả phân tích địa lý, ngành phục vụ và các loại hình khách hàng/người hưởng lợi).
- 2.8 Quy mô của tổ chức báo cáo.
- 2.9 Thay đổi lớn trong quá trình báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc hoặc quyền sở hữu.
- 2.10 Giải thưởng đã nhận trong thời gian báo cáo.

3. Thông số Báo cáo

Hồ sơ Báo cáo

- 3.1 Kỳ báo cáo (ví dụ như năm tài chính/năm dương lịch) cho thông tin được cung cấp.
- 3.2 Thời gian của bản báo cáo gần nhất (nếu có).
- 3.3 Chu kỳ Báo cáo (hàng năm, hai năm một lần, v.v...)
- 3.4 Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi.

Phạm vi và ranh giới Báo cáo

- 3.5 Quy trình để xác định nội dung báo cáo.
- 3.6 Ranh giới của báo cáo (ví dụ quốc gia, khu vực, công ty con, các cơ sở cho thuê, liên doanh, các nhà cung cấp). Xem Quy ước Ranh giới GRI để được hướng dẫn thêm.
- 3.7 Nêu rõ mọi hạn chế cụ thể về phạm vi hoặc ranh giới của báo cáo (xem Nguyên tắc GRI cho việc giải thích về phạm vi).
- 3.8 Cơ sở để báo cáo về các công ty liên doanh, công ty con, các cơ sở cho thuê, các hoạt động thuê ngoài và các tổ chức khác có thể ảnh hưởng đáng kể tới quá trình so sánh giữa các giai đoạn báo cáo và/hoặc giữa các tổ chức.
- 3.9 Kỹ thuật đo lường dữ liệu và cơ sở tính toán, bao gồm cả các giả định và kỹ thuật ước tính được áp dụng cho việc xây dựng các Chỉ số và các thông tin khác trong báo cáo.
- 3.10 Giải thích về ảnh hưởng của việc điều chỉnh thông tin được cung cấp trong các báo cáo trước và lý do của việc điều chỉnh trên (ví dụ, sáp nhập/mua lại, thay đổi thời hạn cơ sở năm/kỳ, loại hình kinh doanh, phương pháp đo lường).

- 3.11 Thay đổi lớn so với kỳ báo cáo trước đó về phạm vi, ranh giới, hoặc các phương pháp đo lường được áp dụng trong báo cáo.

Danh mục nội dung GRI

- 3.12 Bảng xác định vị trí của phần Công bố Thông tin Tiêu chuẩn trong bản báo cáo.
- 3.13 Chính sách và thông lệ hiện tại trong việc tìm kiếm sự bảo đảm bên ngoài cho bản báo cáo.

4. Quản trị, Cam kết và Sự tham gia

Quản trị

- 4.1 Cơ cấu quản trị của tổ chức, bao gồm cả các ủy ban thuộc cơ quan quản trị cao nhất chịu trách nhiệm cho các nhiệm vụ cụ thể, chẳng hạn như xây dựng chiến lược hoặc giám sát tổ chức.
- 4.2 Nêu rõ nếu Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất cũng là lãnh đạo điều hành.
- 4.3 Đối với các tổ chức có cấu trúc ban lãnh đạo đơn nhất, ghi rõ số lượng thành viên của cơ quan quản trị cao nhất là thành viên độc lập và/hoặc là thành viên không điều hành.
- 4.4 Cơ chế cho các cổ đông và người lao động để cung cấp các khuyến nghị hoặc phương hướng cho cơ quan quản trị cao nhất.
- 4.5 Mối quan hệ giữa thù lao cho các thành viên thuộc quản trị cao nhất, các nhà quản lý và điều hành cấp cao.
- 4.6 Các quy trình cho các cơ quan quản trị cao nhất để đảm bảo tránh được xung đột về lợi ích.
- 4.7 Quy trình để xác định trình độ và chuyên môn của các thành viên của cơ quan quản trị cao nhất để chỉ đạo chiến lược của tổ chức về các mặt về kinh tế, môi trường và xã hội.

- 4.8 Tuyên bố nội bộ về sứ mệnh hoặc giá trị, quy tắc ứng xử và các nguyên tắc liên quan đến hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội và tình trạng thực hiện các nguyên tắc và quy tắc trên.
- 4.9 Các bước để cơ quan quản trị cao nhất bao quát việc xác định và quản lý hoạt động kinh tế, môi trường, xã hội của tổ chức. Điều này bao gồm các rủi ro và cơ hội liên quan, và bao gồm sự tuân thủ hoặc phù hợp với các tiêu chuẩn, quy tắc ứng xử và nguyên tắc đã được quốc tế đồng thuận.
- 4.10 Quy trình đánh giá hiệu quả của bản thân bộ phận quản trị cao nhất, đặc biệt đối với hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội.

Cam kết với các sáng kiến bên ngoài

- 4.11 Giải thích về phương pháp tiếp cận hoặc nguyên tắc phòng ngừa có được tổ chức áp dụng hay không và áp dụng thế nào?
- 4.12 Điều lệ, nguyên tắc hoặc các sáng kiến về kinh tế, môi trường và xã hội bên ngoài tổ chức mà tổ chức chấp thuận hoặc tán thành.
- 4.13 Hội viên của hiệp hội (như các hiệp hội ngành nghề) và/hoặc các tổ chức quốc gia/quốc tế mà trong đó tổ chức (i) có vị trí trong các cơ quan quản lý, (ii) tham gia vào các dự án hoặc các ủy ban, (iii) cung cấp khoản đóng góp ngân quỹ lớn ngoài phí hội viên thường xuyên; hoặc coi việc tham gia hội viên là chiến lược.

Sự tham gia của Các bên liên quan

- 4.14 Danh sách nhóm của các bên liên quan tham gia.
- 4.15 Cơ sở xác định và lựa chọn các bên liên quan để cùng tham gia.
- 4.16 Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của các bên liên quan, bao gồm cả tần suất tham gia được phân chia theo theo chủng loại và nhóm các bên liên quan.
- 4.17 Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham

gia của các bên liên quan và việc tổ chức đã phản hồi thể nào với cho những chủ đề chính và các mối quan tâm trên, bao gồm cả việc phản hồi thông qua quá trình xây dựng báo cáo.

5. Chỉ số hoạt động

Hoạt động kinh tế

EC1 Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ, bao gồm doanh thu, chi phí vận hành, thù lao cho nhân viên, các khoản đóng góp và đầu tư cho cộng đồng khác, lợi nhuận giữ lại, và các khoản thanh toán cho cơ quan cấp vốn và chính phủ.

EC2 Các tác động về tài chính cũng như các yếu tố rủi ro và cơ hội khác đối với các hoạt động của tổ chức bị gây ra bởi biến đổi khí hậu.

EC3 Phạm vi trách nhiệm của tổ chức đối với quỹ hưu trí.

EC4 Các hỗ trợ tài chính đáng kể của chính phủ.

Hiện diện trên thị trường

EC5 Dải tỷ lệ so sánh giữa mức lương xuất phát điểm tiêu chuẩn với các mức lương tối thiểu của địa phương tại những điểm hoạt động quan trọng.

EC6 Chính sách, thông lệ, và tỷ lệ chi tiêu cho các nhà cung cấp tại địa phương tại những điểm hoạt động quan trọng.

EC7 Chính sách tuyển dụng tại địa phương và tỷ lệ quản lý cao cấp được tuyển dụng từ cộng đồng địa phương tại những điểm hoạt động quan trọng.

Các ảnh hưởng kinh tế gián tiếp

EC8 Sự phát triển và tác động của hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng và dịch vụ phục vụ lợi ích chung của cộng đồng thông qua các hoạt động thương mại, đóng góp bằng hiện vật, hoặc miễn phí.

EC9 Nắm rõ và mô tả các tác động gián tiếp lớn về kinh tế, bao gồm cả mức độ ảnh hưởng.

Các chỉ số môi trường

Vật liệu

EN1 Vật liệu sử dụng tính theo trọng lượng hoặc khối lượng.

EN2 Tỷ lệ phần trăm các vật liệu được sử dụng là nguyên liệu đầu vào từ tái chế.

Năng lượng

EN3 Năng lượng tiêu thụ trực tiếp của nguồn năng lượng chính.

EN4 Năng lượng tiêu thụ gián tiếp phân theo các nguồn chính.

EN5 Năng lượng tiết kiệm thông qua việc lưu trữ và cải tiến hiệu năng.

EN6 Các sáng kiến cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo, và kết quả việc hạ thấp mức cầu năng lượng của các sáng kiến này.

EN7 Các sáng kiến nhằm giảm năng lượng tiêu thụ gián tiếp và mức cắt giảm đạt được.

Nước

EN8 Tổng lượng nước bị thu dùng phân theo nguồn.

EN9 Các nguồn nước bị ảnh hưởng đáng kể của việc thu dùng nước. (Phân loại tổng số nguồn nước bị ảnh hưởng)

EN10 Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

Đa dạng sinh học

EN11 Vị trí và diện tích đất sở hữu, cho thuê, quản lý trong hoặc liền kề với các khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài khu bảo tồn.

EN12 Mô tả các tác động lớn của các hoạt động, sản phẩm và dịch vụ tới đa dạng sinh học trong khu bảo tồn và các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao bên ngoài khu bảo tồn.

EN13 Môi trường sống được bảo vệ hoặc khôi phục.

EN14 Chiến lược, hành động hiện tại và kế hoạch tương lai để quản lý các tác động tới đa dạng sinh học.

EN15 Số loài động thực vật trong Sách Đỏ của IUCN và danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống trong khu vực bị ảnh hưởng bởi các hoạt động, xếp theo mức độ nguy cơ tuyệt chủng.

Khí thải, nước thải và chất thải

EN16 Tổng số khí thải gây hiệu ứng nhà kính trực tiếp và gián tiếp theo trọng lượng.

EN17 Các khí thải gây hiệu ứng nhà kính gián tiếp khác theo trọng lượng.

EN18 Các sáng kiến nhằm giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính và mức cắt giảm đạt được.

EN19 Khí thải gây suy giảm tầng ôzôn theo trọng lượng.

EN20 NO_x, SO_x, và các khí thải đáng kể khác theo loại và trọng lượng.

EN21 Tổng lưu lượng nước thải theo chất lượng và điểm đến.

EN22 Tổng trọng lượng của chất thải theo loại và phương pháp xử lý.

EN23 Tổng số và khối lượng của lượng chất lỏng tràn đáng kể.

EN24 Trọng lượng chất thải được vận chuyển, nhập khẩu, xuất khẩu, hoặc chất thải đã được xử lý được coi là nguy hiểm theo các điều khoản của Công ước Basel Phụ lục I, II, III, và VIII và tỷ lệ phần trăm chất thải được vận chuyển theo đường quốc tế.

EN25 Chứng loại, kích thước, tình trạng bảo vệ và giá trị đa dạng sinh học của các khu vực nước và môi trường sống liên quan bị ảnh hưởng đáng kể bởi việc xả nước thải và nước chảy bề mặt của tổ chức.

Sản phẩm và Dịch vụ

EN26 Các sáng kiến nhằm giảm thiểu tác động môi trường của các sản phẩm, dịch vụ và mức độ giảm thiểu tác động.

EN27 Tỷ lệ phần trăm các sản phẩm bán ra và các vật liệu bao bì của chúng được tái thu hồi theo chứng loại.

Tuân thủ

EN28 Tổng giá trị bằng tiền của những vụ phạt lớn và tổng số vụ xử phạt phi tài chính do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Giao thông vận tải

EN29 Các tác động lớn tới môi trường của việc vận chuyển các sản phẩm, hàng hóa và vật liệu được sử dụng cho các hoạt động của tổ chức và vận chuyển người lao động.

Tổng thể

EN30 Tổng số chi tiêu và đầu tư cho bảo vệ môi trường theo loại.

Chỉ số xã hội: Thông lệ về lao động và Việc làm hợp thức

Việc làm

LA1 Tổng số lực lượng lao động theo loại việc làm, hợp đồng lao động và khu vực.

LA2 Tổng số và tỷ lệ thôi việc của nhân viên theo tuổi tác, giới tính và khu vực.

LA3 Các trợ cấp cho nhân viên làm việc toàn thời gian mà không được dành cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian, theo các mảng hoạt động chính.

Quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động

LA4 Tỷ lệ phần trăm của người lao động được hưởng thỏa ước tập thể.

LA5 Thời gian thông báo tối thiểu liên quan đến những thay đổi lớn trong vận hành, ngay cả khía cạnh liệu điều này có được quy định cụ thể trong thỏa ước tập thể hay không.

Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp

LA6 Tỷ lệ phần trăm tổng số lao động có mặt trong các ủy ban hỗn hợp chính thức giữa lãnh đạo và nhân viên về sức khỏe và an toàn lao động nhằm giám sát và tư vấn về sức khỏe nghề nghiệp và các chương trình an toàn lao động.

LA7 Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực.

LA8 Tổ chức các chương trình giáo dục, đào tạo, tư vấn, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro để hỗ trợ lực lượng lao động, gia đình của họ hoặc các thành viên trong cộng đồng ứng phó với các bệnh nguy hiểm.

LA9 Các vấn đề về sức khỏe và an toàn lao động được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn.

Giáo dục và Đào tạo

LA10 Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

LA11 Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

LA12 Tỷ lệ phần trăm của người lao động nhận được đánh giá thường xuyên về hiệu suất công việc và phát triển sự nghiệp.

Đa dạng và đồng đều cơ hội

LA13 Thành phần của bộ máy quản lý và phân loại nhân viên theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm dân tộc thiểu số và các chỉ số phản ánh mức độ đa dạng khác.

LA14 Tỷ lệ mức lương cơ bản của nam giới so với nữ giới theo phân loại nhân viên.

Chỉ số hoạt động xã hội: Nhân quyền

Quy định về đầu tư và mua sắm

HR1 Tỷ lệ phần trăm và tổng số các thỏa thuận đầu tư lớn có đề cập tới các điều khoản về quyền con người hoặc đã được sàng lọc về vấn đề nhân quyền.

HR2 Tỷ lệ phần trăm của các nhà cung cấp và các nhà thầu lớn đã được sàng lọc về các vấn đề nhân quyền và hành động đáp ứng.

HR3 Tổng số giờ đào tạo nhân viên về các chính sách và quy trình liên quan đến các khía cạnh của quyền con người có liên quan đến các hoạt động, bao gồm cả tỷ lệ phần trăm của các nhân viên đã được đào tạo.

Không phân biệt đối xử

HR4 Tổng số sự vụ bị phân biệt đối xử và hành động đáp ứng. Các vấn đề về tự do lập hội và thương lượng tập thể.

HR5 Xác định các hoạt động, trong đó các quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể, có nguy cơ bị xâm phạm và các hành động hỗ trợ các quyền đó.

Lao Động Trẻ Em

HR6 Các hoạt động được xác định là có nguy cơ liên quan tới vấn đề lao động trẻ em và các biện pháp được thực hiện để góp phần loại trừ việc sử dụng lao động trẻ em.

Lao động cưỡng bức và bắt buộc

HR7 Các hoạt động được xác định là có nguy cơ liên quan tới lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc và các biện pháp được thực hiện để góp phần loại trừ lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc.

Biện pháp an ninh

HR8 Tỷ lệ phần trăm của các nhân viên an ninh được đào tạo theo chính sách hoặc quy trình của tổ chức trên khía cạnh về nhân quyền có liên quan đến các hoạt động.

Quyền của người dân bản địa

HR9 Tổng số các vi phạm liên quan đến các quyền của người bản địa và các hành động đáp ứng.

Chỉ số hoạt động xã hội: Xã hội

Cộng đồng

SO1 Bản chất, phạm vi và hiệu quả của bất kỳ chương trình và hoạt

động đánh giá và quản lý các tác động của hoạt động đối với cộng đồng, bao gồm từ việc bắt đầu, triển khai, và kết thúc.

Tham nhũng

SO2 Tỷ lệ phần trăm và tổng số các đơn vị kinh doanh được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng.

SO3 Tỷ lệ lao động được đào tạo theo các chính sách và quy trình chống tham nhũng của tổ chức.

SO4 Hành động ứng phó với sự cố tham nhũng.

Chính sách công

SO5 Định vị chính sách công và tham gia xây dựng chính sách công và vận động hành lang.

SO6 Tổng giá trị các khoản đóng góp tài chính và hiện vật cho các đảng phái chính trị, các chính trị gia và các tổ chức có liên quan theo quốc gia.

Hành vi chống cạnh tranh

SO7 Các hành động pháp lý đối với hành vi chống cạnh tranh, chống liên kết và độc quyền, cũng như kết quả của các hành động đó.

Tuân thủ

SO8 Tổng giá trị bằng tiền của những vụ phạt lớn và tổng số vụ xử phạt phi tài chính do không tuân thủ luật pháp và các quy định.

Chỉ số hoạt động xã hội: Trách nhiệm sản phẩm

Sức khỏe và an toàn của khách hàng

PR1 Các giai đoạn trong vòng đời sản phẩm, trong đó mức ảnh

hưởng tới sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ được đánh giá để cải thiện và tỷ lệ phần trăm loại các sản phẩm và dịch vụ đáng kể được áp dụng quy trình trên.

PR2 Tổng số sự vụ không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong vòng đời của chúng, phân loại theo kết quả.

Dán nhãn sản phẩm và dịch vụ

PR3 Loại thông tin về sản phẩm và dịch vụ theo yêu cầu quy trình và tỷ lệ phần trăm của các sản phẩm và dịch vụ đáng kể phụ thuộc vào yêu cầu thông tin trên.

PR4 Tổng số sự vụ không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin và dán nhãn sản phẩm và dịch vụ, phân loại theo kết quả.

PR5 Các tập quán liên quan đến sự hài lòng của khách hàng, bao gồm cả kết quả của các cuộc điều tra đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng.

Tiếp thị truyền thông

PR6 Các chương trình tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn và quy tắc tự nguyện liên quan đến truyền thông tiếp thị, bao gồm cả khuyến mãi, quảng cáo và tài trợ.

PR7 Tổng số sự vụ không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến truyền thông tiếp thị, bao gồm các quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ, phân loại theo kết quả.

Quyền riêng tư của khách hàng

PR8 Tổng số khiếu nại đáng kể liên quan đến vi phạm sự riêng tư của khách hàng và làm mất dữ liệu khách hàng.

Tuân thủ

PR9 Tổng giá trị bằng tiền của những vụ phạt lớn do không tuân thủ luật pháp và các quy định liên quan đến việc cung cấp và sử dụng các sản phẩm và dịch vụ.

cuu duong than cong . com

Tầng 3, 63 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam
ĐT: + 84 4 3824 7892
Fax: + 84 4 3824 7898
www.ifc.org

